

**UBND PHƯỜNG BÒ ĐỀ
TRƯỜNG THCS ÁI MỘ**



**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP
KIỂM TRA HỌC KỲ II LỚP 9
NĂM HỌC 2025-2026**

MỤC LỤC

STT	Môn	Trang
1	Toán	3
2	Công nghệ	10
3	Tin học	13
4	Khoa học tự nhiên	16
5	Ngữ văn	22
6	Lịch sử	23
7	Địa lý	25
8	GDCD	27
9	Tiếng Anh	29
10	HĐTN	33
11	GDDP	34

MÔN TOÁN

A. KIẾN THỨC CẦN NHỚ

ĐẠI SỐ

- + Toán thống kê, xác suất.
- + Rút gọn biểu thức chứa căn bậc hai
- + Cách giải phương trình bậc hai một ẩn.
- + Định lí viet áp dụng giải PT, Tính giá trị của biểu thức, Tìm 2 số biết tổng và tích của 2 số. Tìm tham số m để PT bậc hai thỏa mãn Đk cho trước
- + Ứng dụng pt bậc hai trong giải bài toán bằng cách lập pt
- + Giải bài toán bằng cách lập PT, hệ PT

HÌNH HỌC

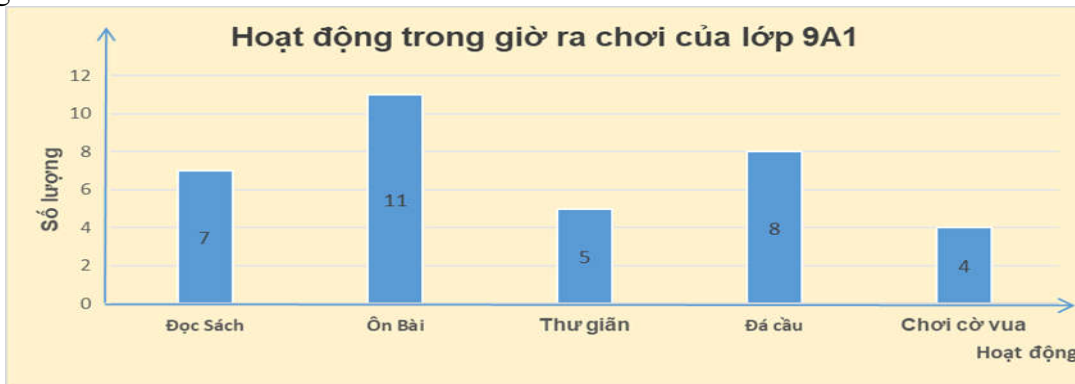
- c/m 4 điểm thuộc một đường tròn
- Tứ giác nội tiếp
- Góc nội tiếp
- c/m hệ thức, c/m góc, cạnh, bằng nhau, c/m vuông góc...
- S, V hình trụ, hình nón, hình cầu

B. BÀI TẬP

Dạng 1: Toán thống kê, xác suất

Bài 1

1) Biểu đồ sau đây biểu diễn dữ liệu về các hoạt động trong giờ ra chơi của học sinh lớp 9A1 trường THCS Kim Thư:



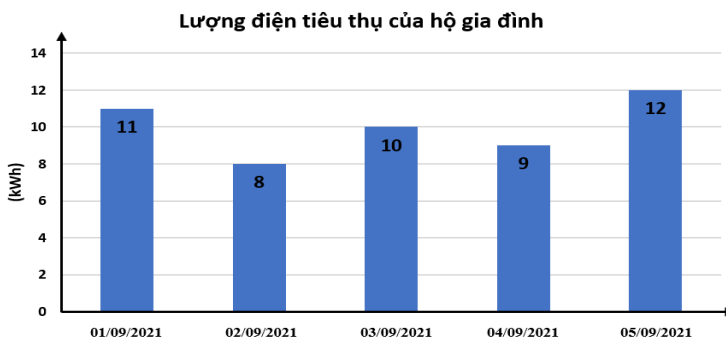
a) Lớp 9A1 có bao nhiêu học sinh và cho biết hoạt động nào được học sinh của lớp yêu thích nhất?

b) Tính tỉ số phần trăm số học sinh thích đọc sách so với số học sinh thích đá cầu?

2) Một hộp có 30 quả bóng được đánh số từ 1 đến 30, đồng thời các quả bóng từ 1 đến 10 được sơn màu cam và các quả bóng còn lại được sơn màu xanh; các quả bóng có kích cỡ và khối lượng như nhau. Lấy ngẫu nhiên một quả bóng trong hộp. Tính xác suất của biến: “Quả bóng được lấy ra được sơn màu xanh và ghi số chia hết cho 3”.

Bài 2

1) Lượng điện tiêu thụ mỗi ngày trong 5 ngày đầu tháng 9 của gia đình bạn Minh Trang được cho ở biểu đồ sau.



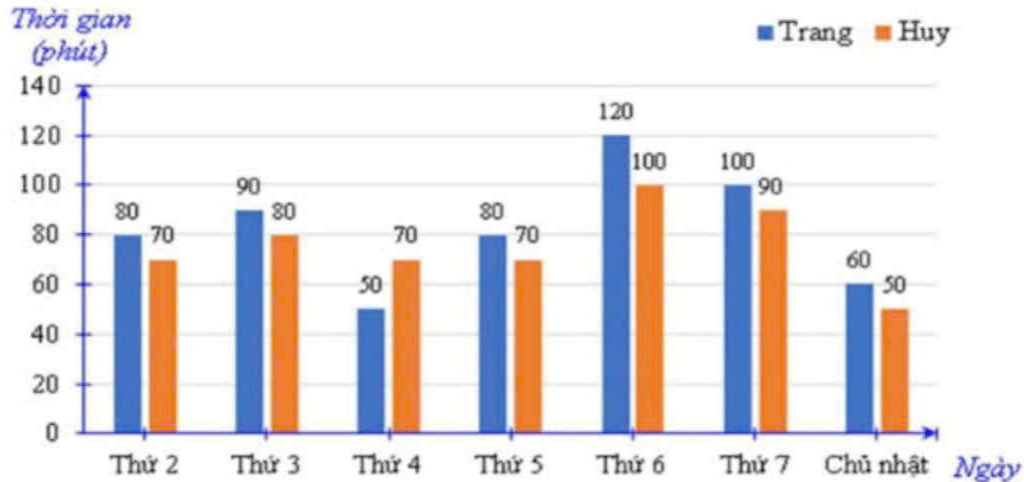
a/ Tính lượng điện tiêu thụ trung bình trong một ngày từ biểu đồ trên.

b/ Giá thành sản xuất kinh doanh điện năm 2021 là 1.859,90 đồng/kWh. Dựa vào biểu đồ hãy tính số tiền điện phải trả trung bình trong một ngày của gia đình bạn Minh Trang.

- 2) Trong túi có 20 viên bi có cùng kích thước và khối lượng, trong đó có 12 viên bi đỏ, 5 viên bi xanh, 3 viên bi vàng. Lấy ngẫu nhiên một viên bi trong túi. Tính xác suất của biến cố A “lấy được viên bi màu đỏ”.

Bài 3

1) Biểu đồ cột kép dưới đây cho biết thời gian tự học bài ở nhà các ngày trong tuần của 2 bạn Trang và Huy:



a) Bạn Trang tự học ở nhà nhiều hơn bạn Huy bao nhiêu phút trong 1 tuần?

b) Tính tỉ số phần trăm giữa tổng thời gian tự học ở nhà từ thứ 2 đến thứ 6 của bạn Huy với tổng thời gian tự học ở nhà từ thứ 2 đến thứ 6 của bạn Trang (làm tròn đến chữ số thập phân thứ 2)

2) Một hộp có 30 chiếc thẻ cùng loại, mỗi thẻ được ghi một trong các số 2, 4, 6, ..., 60; hai thẻ khác nhau thì ghi hai số khác nhau. Xét phép thử: “Rút ngẫu nhiên một thẻ trong hộp” và biến cố M : “Số xuất hiện trên thẻ được rút ra chia hết cho 2 và 5”. Tính xác suất biến cố M .

Bài 4

1) Tìm hiểu thời gian (đơn vị: giờ) truy cập Internet trong tuần đầu tháng 4 của một số cán bộ ở một viện nghiên cứu thu được kết quả ở bảng sau:

Thời gian	[0; 5)	[5; 10)	[10; 15)	[15; 20)	[20; 25)
Số người	5	20	15	6	4

Lập bảng tần số ghép nhóm và bảng tần số tương đối ghép nhóm của mẫu số liệu ghép nhóm đó.

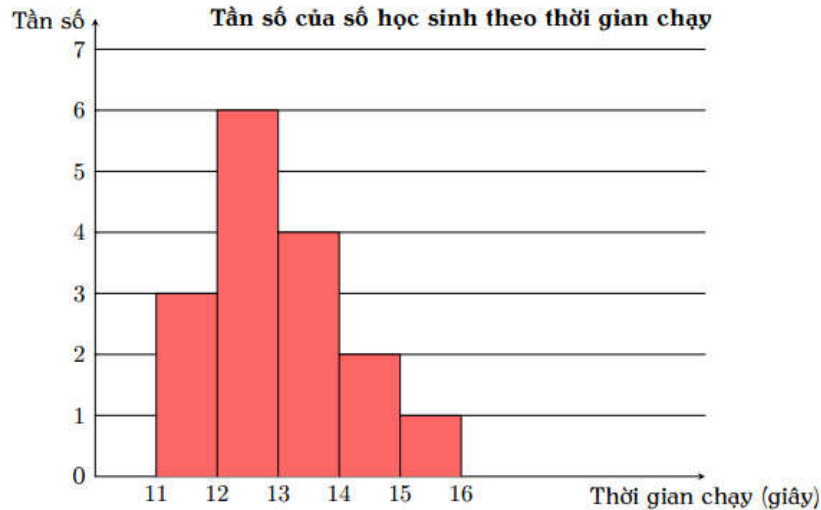
2. Một hộp có 15 chiếc thẻ, mỗi thẻ được ghi một trong các số 1, 2, 3, 4, ..., 13, 14, 15, hai thẻ khác nhau thì ghi hai số khác nhau. Rút ngẫu nhiên một thẻ trong hộp. Tính xác suất của mỗi biến cố sau:

- “ Số xuất hiện trên thẻ được rút ra là số chia hết cho 5”
- “ Số xuất hiện trên thẻ được rút ra là số chia hết cho 3 dư 1”

Bài 5

1. Biểu đồ dưới đây biểu diễn kết quả khảo sát thành tích chạy 100m của một số học sinh:

- Có bao nhiêu học sinh chạy 100m hết ít hơn 13 giây?
- Có tổng số bao nhiêu học sinh tham gia khảo sát?



2. Một hộp chứa 4 tấm thẻ cùng loại được đánh số 2; 3; 5; 8. Bạn Phi và bạn Thanh lần lượt mỗi người lấy ra 1 tấm thẻ từ hộp (Biết trong mỗi đợt lấy thì bạn Phi lấy tấm thẻ trước và không bỏ tấm thẻ lại vào hộp). Tính xác suất của mỗi biến cố sau:

M: “Tích các số ghi trên 2 tấm thẻ là số lẻ”;

N: “Tổng các số ghi trên 2 tấm thẻ là số lẻ”;

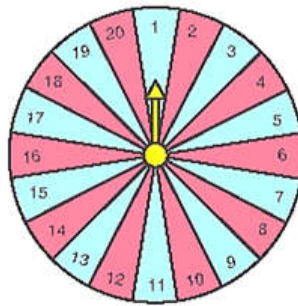
Bài 6

1) Sau khi điều tra chiều cao của 40 bạn học sinh lớp 9A, người ta có bảng tần số ghép nhóm dưới đây:

Chiều cao	[150;153)	[153;156)	[156;159)	[159;162)	[162;165)	[165;168)
Số học sinh	4	6	8	12	6	4

Tìm tần số ghép nhóm và tần số tương đối ghép nhóm của nhóm [159;162).

2) Hình vẽ dưới đây mô tả một đĩa tròn bằng bìa cứng được chia làm 20 phần bằng nhau và ghi các số 1;2;3;4;...;19;20 và chiếc kim được gắn cố định vào trục quay ở tâm của đĩa.



Xét phép thử “ Quay đĩa tròn một lần ” và biến cố A : “ Chiếc kim chỉ vào hình quạt ghi số nguyên tố ”. Tính xác suất của biến cố A .

Bài 1. Cho hai biểu thức: $A = \frac{\sqrt{x}+1}{\sqrt{x}-1}$ và $B = \frac{\sqrt{x}-1}{\sqrt{x}+1} - \frac{3\sqrt{x}+1}{x-1}$ với $x \geq 0; x \neq 1$

1. Tính giá trị của biểu thức A tại $x = 121$

2. Cho $M = A + B$. Rút gọn biểu thức M.

3. Tìm giá trị của x để $M = \sqrt{x} - 1$.

Bài 2. Cho hai biểu thức $A = \frac{\sqrt{x}-2}{\sqrt{x}+2}$ và $B = \frac{\sqrt{x}+2}{\sqrt{x}-2} - \frac{3}{\sqrt{x}+2} - \frac{12}{x-4}$ với $x \geq 0, x \neq 4$.

1) Tính giá trị của biểu thức A khi $x = 25$.

2) Chứng minh $B = \frac{\sqrt{x}-1}{\sqrt{x}-2}$.

3) Với $P = A.B$. Tìm giá trị của x để $|P| > P$.

Bài 3.

Cho hai biểu thức: $A = \frac{2\sqrt{x}+1}{\sqrt{x}}$ và $B = \frac{x-3\sqrt{x}+4}{x-2\sqrt{x}} - \frac{1}{\sqrt{x}-2}$ Với $x > 0; x \neq 4$

- 1) Tính giá trị của A khi $x=9$
- 2) Rút gọn B
- 3) Cho $P = \frac{B}{A}$, Tìm x để $P < 0$

Bài 4.

Cho biểu thức $A = \frac{\sqrt{x}}{\sqrt{x}-2}$ và $B = \frac{2\sqrt{x}}{\sqrt{x}-3} - \frac{x+9\sqrt{x}}{x-9}$ với $x > 0; x \neq 4; x \neq 9$

- a) Tính giá trị của biểu thức A khi $x = 100$
- b) Rút gọn biểu thức B
- c) Tìm giá trị nguyên của x để biểu thức $M = A : B$ có giá trị nguyên

Bài 5

Cho hai biểu thức $P = \frac{9\sqrt{x}}{x-16}$ và $Q = \frac{\sqrt{x}-1}{\sqrt{x}-2} - \frac{5\sqrt{x}-8}{x-2\sqrt{x}}$ với $x > 0; x \neq 4; x \neq 16$

- 1) Tính giá trị của biểu thức P khi $x=1$.
- 2) Chứng minh $Q = \frac{\sqrt{x}-4}{\sqrt{x}}$.
- 3) Xét biểu thức $P = P.Q$. Tìm các số thực x để biểu thức A nhận các giá trị là số nguyên.

Bài 6

$A = \frac{\sqrt{x}-2}{\sqrt{x}-1}$ và $B = \frac{\sqrt{x}}{\sqrt{x}+1} + \frac{1}{1-\sqrt{x}} + \frac{2}{x-1}$ với $x \geq 0; x \neq 1$.

- 1) Tính giá trị của biểu thức A khi $x = 9$;
- 2) Chứng minh: $B = \frac{\sqrt{x}-1}{\sqrt{x}+1}$;
- 3) Cho $P = A.B$. Tìm các giá trị nguyên của x để $|P| + P = 0$.

Bài 7. Cho hai biểu thức $A = \frac{\sqrt{x}+3}{\sqrt{x}}$ và $B = \left(\frac{x+3}{x-9} + \frac{1}{\sqrt{x}+3} \right) \cdot \frac{\sqrt{x}-3}{\sqrt{x}}$

với $x > 0, x \neq 9$.

- 1) Tính giá trị của A khi $x = 4$.
- 2) Rút gọn biểu thức B.
- 3) Cho biểu thức $P = A.B$. Tìm giá trị nguyên lớn nhất của x thỏa mãn $2P > \sqrt{5P}$.

Bài 8

Với $x > 0; x \neq 1$, cho hai biểu thức: $A = \left(\frac{1}{x-\sqrt{x}} + \frac{1}{\sqrt{x}-1} \right)$ và $B = \frac{\sqrt{x}+1}{x-2\sqrt{x}+1}$

- 1) Tính giá trị của biểu thức B với $x = 9$.
- 2) Rút gọn biểu thức $P = \frac{A}{B}$.
- 3) Chứng minh $P < 1$.

Bài 9. Cho hai biểu thức: $A = \frac{\sqrt{x}}{\sqrt{x}+2}$ và $B = \frac{1}{\sqrt{x}+2} - \frac{\sqrt{x}}{2-\sqrt{x}} + \frac{\sqrt{x}+6}{x-4}$ với $x \geq 0, x \neq 4$.

- 1) Tính giá trị của biểu thức A khi $x = 49$.
- 2) Chứng minh $B = \frac{\sqrt{x+2}}{\sqrt{x-2}}$.
- 3) Tìm tất cả giá trị của x để biểu thức $P = A.B$ có giá trị âm.

Bài 10

Cho hai biểu thức $A = \frac{x + \sqrt{x} + 1}{\sqrt{x} + 3}$ và $B = \frac{2x - 3}{x - \sqrt{x}} - \frac{\sqrt{x} - 2}{\sqrt{x} - 1}$ với $x > 0, x \neq 1$.

1. Tính giá trị của biểu thức A khi $x = 4$.
2. Chứng minh $B = \frac{\sqrt{x} + 3}{\sqrt{x}}$
3. Cho $P = A.B$. So sánh P với 3.

Bài 11. Cho hai biểu thức $A = \frac{4}{\sqrt{x} + 6}$ và $B = \frac{\sqrt{x}}{\sqrt{x} + 6} + \frac{1}{\sqrt{x} - 6} + \frac{17\sqrt{x} + 30}{x - 36}$ với

$x \geq 0, x \neq 36$.

- 1) Tính giá trị của biểu thức A khi $x = 9$.
- 2) Rút gọn biểu thức B .
- 3) Cho biểu thức $M = A.B$. Tìm số nguyên x để biểu thức M có giá trị nguyên lớn nhất

Bài 12

Cho hai biểu thức $P = \left(\frac{\sqrt{x}}{x-1} + \frac{1}{\sqrt{x}-1} \right)$ và $Q = \left(\frac{\sqrt{x}}{\sqrt{x}-1} - 1 \right)$ với $x \geq 0; x \neq 1$

- 1) Tính giá trị của Q khi $x = 4$
- 2) Rút gọn biểu thức $M = P : Q$
- 3) Tìm giá trị nhỏ nhất của biểu thức M .

Bài 13

Cho hai biểu thức: $A = \frac{2\sqrt{x}}{\sqrt{x}-3} + \frac{x+9\sqrt{x}}{9-x}$ và $B = \frac{\sqrt{x}-5}{\sqrt{x}}$ với $x > 0; x \neq 9$

- a) Tính giá trị biểu thức B khi $x = \frac{4}{25}$.
- b) Rút gọn A .
- c) Đặt $P = A.B$. Tìm giá trị nhỏ nhất của P với x là số tự nhiên.

Dạng 3: Giải bài toán bằng cách lập pt, hệ PT

Bài 1) Một ô tô phải đi quãng đường AB dài 120 km trong một thời gian nhất định. Ô tô đi nửa quãng đường đầu với vận tốc lớn hơn vận tốc dự định là 5 km/h và đi nửa quãng đường sau với vận tốc kém vận tốc dự định là 4 km/h . Biết ô tô đến B đúng thời gian dự định. Tính thời gian ô tô dự định đi quãng đường AB .

Bài 2: Quãng đường AB dài 180 km . Một xe máy khởi hành từ A đến B với vận tốc không đổi. Sau đó 24 phút một ô tô cũng khởi hành từ A nhưng đi với vận tốc lớn hơn vận tốc xe máy là 5 km/h nên đã đến B cùng lúc với xe máy. Tính vận tốc của xe máy.

Bài 3: Bác Tâm đi ca nô xuôi dòng sông từ bến A đến bến B dài 48 km . Khi đến bến B , ca nô nghỉ 30 phút sau đó lại ngược dòng từ bến B về bến A . Tổng thời gian kể từ lúc bác Tâm đi ca nô từ bến A đến khi ca nô quay trở về bến A là 4 giờ 6 phút. Tìm vận tốc riêng của ca nô, biết vận tốc dòng nước là 3 km/h .

Bài 4

Một tổ sản xuất phải làm 600 sản phẩm trong một thời gian quy định với năng suất như nhau. Sau khi làm được 400 sản phẩm, tổ đã tăng năng suất thêm mỗi ngày 10 sản phẩm, do đó đã hoàn thành công việc sớm hơn một ngày. Tính số sản phẩm làm trong mỗi ngày theo quy định.

Bài 5

Hai tổ sản xuất được giao làm 800 sản phẩm trong một thời gian quy định, nhờ tăng năng suất lao động, tổ một vượt mức 10%, tổ hai vượt mức 20% nên cả hai tổ đã làm được 910 sản phẩm. Tính số sản phẩm phải làm theo kế hoạch của mỗi tổ?

Bài 6

Một đội xe cần chở 480 tấn hàng, khi sắp khởi hành đội được điều thêm 3 xe nữa nên mỗi xe chở ít hơn dự định 8 tấn. Hỏi lúc đầu đội có bao nhiêu chiếc xe? Biết rằng các xe chở số hàng như nhau.

Bài 7

Một phòng họp có 150 người được xếp đều trên các dãy ghế. Nếu thêm 66 người thì phải kê thêm 2 dãy ghế và mỗi dãy ghế tăng thêm 3 người. Hỏi lúc đầu phòng họp có bao nhiêu dãy ghế?

Gọi số dãy ghế lúc đầu ở phòng họp là: x (dãy) ($x \in \mathbb{N}^*$)

Bài 8

Hai người thợ quét sơn một ngôi nhà. Nếu họ cùng làm thì trong 6 ngày xong việc. Nếu người thợ thứ nhất làm một mình trong 5 ngày rồi nghỉ, người thứ hai làm tiếp 4 ngày thì cả hai làm được $\frac{7}{9}$ công việc. Hỏi nếu làm riêng thì mỗi người thợ phải làm trong bao nhiêu ngày để xong việc.

Bài 9) Một mảnh đất hình chữ nhật có chu vi bằng 82m. Nếu tăng chiều dài thêm 5m và tăng chiều rộng lên 2 lần thì diện tích của mảnh đất lúc sau tăng thêm 560 m². Tính các kích thước của mảnh đất hình chữ nhật đó lúc ban đầu.

Bài 11.

Để mở rộng kinh doanh, một cửa hàng đã vay 600 triệu đồng kì hạn 12 tháng từ hai ngân hàng A và B với lãi suất lần lượt là 8%/năm và 9%/năm. Tổng số tiền lãi một năm phải trả cho cả hai ngân hàng là 50 triệu đồng. Tính số tiền của hàng đã vay từ mỗi ngân hàng.

Bài 12

Một người mua một cái bàn là và một cái quạt điện với tổng số tiền theo giá niêm yết là 850 nghìn đồng. Khi trả tiền người đó được khuyến mại giảm 20% đối với giá tiền bàn là và 10% đối với giá tiền quạt điện với giá niêm yết. Vì vậy, người đó phải trả tổng cộng 740 nghìn đồng. Tính giá tiền của cái bàn là và cái quạt điện theo giá niêm yết.

Dạng 4: PHƯƠNG TRÌNH BẬC 2 VÀ HỆ THỨC VIET

Bài 1) Cho phương trình bậc hai $x^2 + 3x - 5 = 0$ có hai nghiệm $x_1; x_2$. Không giải phương trình, tính tổng các lập phương hai nghiệm của phương trình đã cho.

Bài 2. Gọi x_1, x_2 là hai nghiệm của phương trình: $3x^2 + 5x - 6 = 0$. Không giải phương trình, tính

các giá trị của các biểu thức $D = \frac{x_1}{x_2 + 2} + \frac{x_2}{x_1 + 2}$.

Bài 3 Biết rằng phương trình bậc hai $x^2 - 5x + m = 0$ (m là tham số). Tìm m để phương trình có hai nghiệm phân biệt sao cho tổng các bình phương của hai nghiệm bằng 13.

Bài 4

Phương trình $x^2 - 2x - m + 1 = 0$ (m là tham số) có một nghiệm là $x = 1 + \sqrt{7}$. Tính giá trị của biểu thức $A = x_1^2 x_2 + x_2^2 x_1$.

Bài 5

Phương trình $x^2 + mx + 2m - 4 = 0$ có x_1, x_2 hai nghiệm và $x_1 = -1$, tính giá trị của biểu thức

$$N = \frac{1}{x_1 + 3} + \frac{1}{x_2 + 3}$$

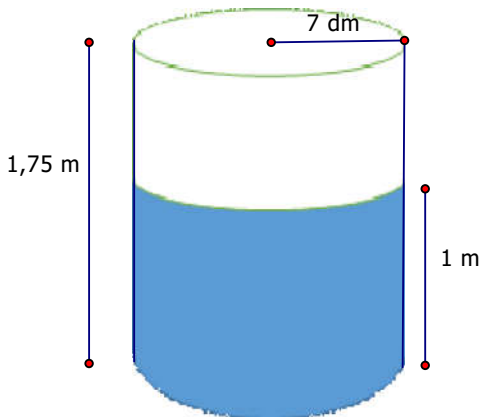
Bài 6

Cho phương trình: $x^2 - 2(m-1)x - m - 3 = 0$. Tìm m để biểu thức $A = x_1^2 + x_2^2$ đạt giá trị nhỏ nhất.

Dạng 5: CÁC BÀI TOÁN HÌNH KHỐI CÓ YẾU TỐ THỰC TẾ

Bài 1:

Một bồn nước inox có dạng một hình trụ với chiều cao 1,75 m và bán kính đáy là 5 dm. Trong bồn đang chứa đầy nước, người ta tháo nước ở trong bồn ra cho đến khi mực nước trong bồn còn cao 1m. Hỏi số nước đã tháo ra ngoài là bao nhiêu lít? (Bỏ qua bề dày của bồn nước).

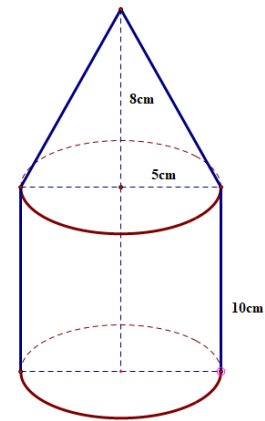


Bài 2

Một dụng cụ gồm một phần có dạng hình trụ và một phần phía trên là nắp có dạng hình nón. Đáy của hình trụ và nón đều có bán kính 5 cm, chiều cao của hình trụ là 10cm và chiều cao của nón là 8 cm.

- Tính thể tích của dụng cụ này.
- Tính diện tích mặt ngoài của dụng cụ (không tính đáy của dụng cụ).

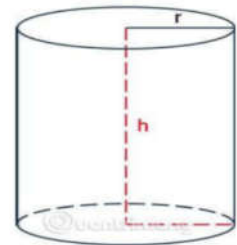
(Lấy $\pi \approx 3,14$ và kết quả làm tròn đến hàng đơn vị)



Bài 3

Một thùng đựng nước có dạng hình trụ chiều cao là 35 cm đường kính đáy 30 cm.

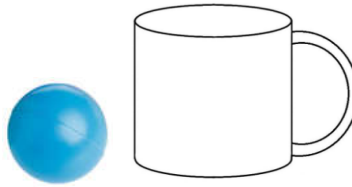
- Tính thể tích của thùng.
- Người ta sử dụng thùng trên để múc nước đổ vào một bể chứa có dung tích $1 m^3$. Hỏi cần phải đổ ít nhất bao nhiêu thùng thì đầy bể chứa? Biết rằng mỗi lần xách người ta chỉ đổ đầy 90% thùng để nước không đổ ra ngoài.



Bài 4

Một viên bi bằng sắt, đặc ruột, hình cầu có đường kính 6 cm. Người ta sơn màu xanh bề mặt của viên bi đó. Một cái cốc hình trụ đựng đầy nước có chiều cao 10 cm và có bán kính đáy là 5 cm, người ta thả viên bi vào trong cái cốc để nước tràn ra ngoài và nước vẫn đầy đến miệng cốc, sau đó bỏ viên bi ra. (lấy $\pi \approx 3,14$)

- Tính diện tích cần sơn viên bi theo cm^2 .
- Hỏi thể tích nước còn lại trong cốc bao nhiêu cm^3 . (lượng nước hao hụt khi bỏ viên bi ra khỏi cốc không đáng kể)



Dạng 5: Bài hình học phẳng tổng hợp

Bài 1) Cho đường tròn tâm O đường kính $AB = 2R$. Gọi C là trung điểm của OA , qua C kẻ dây MN của (O) vuông góc với OA tại C . Gọi K là điểm tùy ý trên cung nhỏ BM , H là giao điểm của AK và MN . Tia BK cắt đường thẳng MN tại điểm P

a) Chứng minh bốn điểm B, C, H, K cùng thuộc một đường tròn.

b) Chứng minh: $\widehat{MHK} = \widehat{ANK}$; ΔAMH đồng dạng với ΔAKM .

c) Chứng minh $HM.PN = HN.PM$.

Bài 2) Cho tam giác ABC nhọn nội tiếp đường tròn (O) . Kẻ đường cao AD của tam giác ABC , đường kính AK của đường tròn (O) . Gọi E và F lần lượt là chân đường vuông góc kẻ từ B và C đến AK .

a) Chứng minh 4 điểm $A; D; F; C$ cùng nằm trên một đường tròn.

b) Chứng minh: $\widehat{BAD} = \widehat{CAK}$

c) Gọi M và N lần lượt là trung điểm của BC và AC . Chứng minh $MN \perp DF$ và M là tâm đường tròn ngoại tiếp tam giác DEF .

Bài 3) Cho nửa đường tròn $(O; R)$, đường kính AB . Từ điểm M bất kì trên tiếp tuyến Ax của nửa đường tròn (O) vẽ tiếp tuyến thứ hai MC (C là tiếp điểm). Gọi I là giao điểm của OM và AC .

1) Chứng minh bốn điểm A, M, C, O cùng thuộc một đường tròn.

2) Chứng minh: $OI.OM = R^2$ và $OM \parallel BC$.

3) Gọi H là chân đường vuông góc kẻ từ C đến AB , MB cắt đường tròn (O) tại D và cắt CH tại K . Chứng minh K là trung điểm của CH .

Bài 4) Cho tam giác nhọn ABC ($AB < AC$) nội tiếp đường tròn (O) , với các đường cao AD, BE và CF đồng quy tại H .

a) Chứng minh tứ giác $AEHF$ nội tiếp.

b) Đường cao CF cắt đường tròn (O) tại điểm thứ hai N , gọi K là hình chiếu vuông góc của A lên EF và I là trực tâm tam giác AEF . Chứng minh $BN.BE = BF.BA$ và tứ giác $EHFI$ là hình bình hành.

c) Gọi M là trung điểm của DK . Chứng minh AM đi qua trung điểm của EF .

Bài 5. Cho đường tròn $(O; R)$ đường kính AB . Kẻ tiếp tuyến Ax và lấy trên tiếp tuyến đó một điểm P sao cho $AP > R$, từ P kẻ tiếp tuyến tiếp xúc với (O) tại M .

a. Chứng minh rằng tứ giác $APMO$ nội tiếp được một đường tròn.

b. Đường thẳng vuông góc với AB ở O cắt tia BM tại N . Chứng minh $BM \parallel OP$ và tứ giác $ONPM$ là hình bình hành.

c. Biết AN cắt OP tại K , PM cắt ON tại I ; PN và OM kéo dài cắt nhau tại J . Chứng minh I, J, K thẳng hàng

MÔN CÔNG NGHỆ

I. Nội dung:

Bài 1: Nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ

Bài 2: Cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân

Bài 3: Thị trường lao động kĩ thuật, công nghệ tại Việt Nam

II. Câu hỏi minh họa phân TNKQ:

Câu 1: Nơi diễn ra hoạt động mua, bán hàng hóa hoặc dịch vụ được gọi là gì?

- A. Thị trường trao đổi - sản xuất.
- B. Thị trường lao động.
- C. Thị trường trao đổi hàng hóa.
- D. Thị trường chuyển dịch cơ cấu hàng hóa.

Câu 2: Ý nào dưới đây **không** đúng khi nói về yếu tố ảnh hưởng đến thị trường lao động?

- A. Sự phát triển của công nghệ, cơ khí.
- B. Sự chuyển dịch cơ cấu.
- C. Nhu cầu lao động.
- D. Nguồn cung lao động.

Câu 3: Nội dung nào **không** đúng khi nói về tầm quan trọng của nghề nghiệp đối với xã hội?

- A. Góp phần tạo ra sản phẩm vật chất, tinh thần, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội.
- B. Thúc đẩy phát triển kinh tế, đem lại phần vinh cho xã hội.
- C. Làm giảm các tệ nạn xã hội, đảm bảo kỉ cương, ổn định xã hội.
- D. Tạo ra môi trường để con người phát triển nhân cách, phát huy năng lực, sở trường.

Câu 4: Nội dung nào dưới đây **không** đúng khi nói về ý nghĩa của việc chọn đúng nghề nghiệp đối với cá nhân?

- A. Giúp con người có động lực trong học tập, nghiên cứu, sáng tạo để hoàn thiện các phẩm chất, kĩ năng của bản thân, đáp ứng được yêu cầu của nghề nghiệp sau này.
- B. Giúp con người phát triển nghề nghiệp, tạo ra chỗ đứng vững chắc trong nghề, có thu nhập ổn định và tránh xa được các tệ nạn xã hội.
- C. Là nền tảng để có được sự thành công trong công việc và sự hài lòng, hạnh phúc với công việc mình đã chọn.
- D. Giảm thiểu các nguy cơ gây mất an toàn lao động.

Câu 5: Nội dung nào dưới đây **không** đúng khi nói về ý nghĩa của việc chọn đúng nghề nghiệp đối với gia đình?

- A. Tạo ra thu nhập đảm bảo cho cá nhân và gánh vác được một phần chi phí cho gia đình.
- B. Là cơ hội để mỗi cá nhân xây dựng được kế hoạch gia đình tương lai một cách chắc chắn.
- C. Góp phần đảm bảo công tác quy hoạch và phát triển thị trường lao động.
- D. Tạo ra sự hài lòng, hạnh phúc cho bản thân và gia đình.

Câu 6: Nội dung nào dưới đây **không** đúng khi nói về ý nghĩa của việc chọn đúng nghề nghiệp đối với xã hội?

- A. Giúp con người phát triển, tạo ra chỗ đứng vững chắc trong nghề nghiệp; tạo ra thu nhập ổn định, tránh xa được các tệ nạn xã hội.
- B. Giảm thiểu tình trạng thất nghiệp, làm trái ngành, trái nghề gây ra những lãng phí cho xã hội.
- C. Góp phần đảm bảo công tác quy hoạch và phát triển thị trường lao động.
- D. Giảm thiểu các nguy cơ gây mất an toàn lao động.

Câu 7: Điểm giống nhau của nghề nghiệp và việc làm là:

- A. Sử dụng kĩ năng, kĩ xảo, kiến thức để tạo ra sản phẩm, đáp ứng nhu cầu xã hội.
- B. Bao gồm những công việc nhất thời và lâu dài, đáp ứng nhu cầu kiếm sống.
- C. Là dạng lao động đòi hỏi ở con người quá trình đào tạo chuyên biệt.
- D. Là quá trình người lao động được giao cho làm và được trả công.

Câu 8: Nội dung nào dưới đây **không** đúng khi nói về điểm giống nhau của nghề nghiệp và việc làm?

- A. Cùng phản ánh một lĩnh vực lao động cụ thể.
- B. Là dạng lao động đòi hỏi ở con người quá trình đào tạo chuyên biệt.
- C. Sử dụng kĩ năng, kĩ xảo, kiến thức để tạo ra sản phẩm.
- D. Đáp ứng nhu cầu xã hội.

Câu 9: Nhóm ngành nào được đào tạo từ trình độ trung cấp đến tiến sĩ?

A. Nhóm ngành an toàn thông tin có đào tạo, nhóm ngành công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng, nhóm ngành công nghệ kỹ thuật điện.

B. Nhóm ngành công nghệ thông tin, nhóm ngành công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng và công nghệ kỹ thuật cơ điện tử, nhóm ngành công nghệ kỹ thuật điện.

C. Nhóm ngành công nghệ thông tin, nhóm ngành công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng, nhóm ngành công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông.

D. Nhóm ngành công nghệ thông tin, nhóm ngành công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng, nhóm ngành công nghệ kỹ thuật điện.

Câu 10: Nội dung nào **không** đúng khi nói về giáo dục mầm non?

A. Bao gồm nhà trẻ và mẫu giáo mà trẻ em từ 06 tuổi đến 11 tuổi được chăm sóc và học tập.

B. Bao gồm nhà trẻ và mẫu giáo mà trẻ em từ 03 tháng đến 05 tuổi được chăm sóc và học tập.

C. Bao gồm nhà trẻ và mẫu giáo mà trẻ em từ 03 tháng đến 10 tuổi được chăm sóc và học tập.

D. Bao gồm nhà trẻ và mẫu giáo mà trẻ em từ 03 tuổi đến 05 tuổi được chăm sóc và học tập.

Câu 11: Nội dung nào dưới đây **không** đúng khi nói về vai trò của việc phân luồng trong hệ thống giáo dục quốc dân?

A. Góp phần đào tạo nhân lực lao động làm việc, là tiền đề phát triển kinh tế đất nước.

B. Tham gia lao động phù hợp với năng lực, điều kiện cụ thể của cá nhân và nhu cầu xã hội.

C. Hướng nghiệp, tạo điều kiện cho học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông.

D. Góp phần điều tiết cơ cấu ngành nghề của lực lượng lao động phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước.

Câu 12: Nội dung nào dưới đây **không** đúng khi nói về hướng đi của học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở?

A. Vào học tại các trường trung học phổ thông (công lập hoặc tư thục).

B. Vào học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, hoặc vào học trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục đại học.

C. Vào học các nghề nghiệp trình độ sơ cấp, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

D. Vừa học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên, vừa tham gia lao động phù hợp với năng lực, điều kiện của bản thân.

Câu 13: Nội dung nào sau đây **không** đúng khi nói về hướng đi liên quan đến lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ?

A. Theo học các ngành thuộc lĩnh vực, công nghệ các trình độ sơ cấp, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có đào tạo.

B. Theo học tại các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên để vừa học chương trình trung học phổ thông kết hợp với học một nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.

C. Lựa chọn các trường cao đẳng hoặc đại học có đào tạo nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.

D. Tiếp tục học trung học phổ thông và định hướng lựa chọn các môn học liên quan đến lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.

Câu 14: Phương án khả thi khi muốn theo học nghề sửa chữa, lắp ráp máy tính sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở là

A. Học ngành kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính trong các trường trung học phổ thông.

B. Học ngành kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có đào tạo trình độ sơ cấp và trung cấp.

C. Học ngành kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính tại các trường cao đẳng có đào tạo ngành nghề này sau khi hoàn thành chương trình giáo dục trung học phổ thông.

D. Học ngành kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ cao đẳng.

Câu 15: Vấn đề cơ bản của thị trường lao động hiện nay là?

A. Xu hướng tuyển dụng lao động chưa được đào tạo, thiếu kinh nghiệm.

B. Xu hướng cầu lao động cao hơn cung lao động.

- C. Chất lượng lao động còn thấp, phân bổ nguồn lao động không đồng đều.
- D. Chất lượng lao động có chuyên môn kỹ thuật ngày càng cao.

Câu 16: Lực lượng lao động ở thành thị trong những năm vừa qua có đặc điểm gì?

- A. Xu hướng ngày càng giảm, tập trung lao động chủ yếu ở những địa phương giáp biển.
- B. Xu hướng ngày càng tăng, tập trung lao động chủ yếu ở những địa phương có cơ cấu kinh tế cao.
- C. Xu hướng ngày càng giảm, tập trung lao động chủ yếu ở vùng nông thôn.
- D. Xu hướng ngày càng tăng.

Câu 17: Đặc điểm của chất lượng lao động, trình độ chuyên môn kỹ thuật của lực lượng lao động là gì?

- A. Trình độ chuyên môn kỹ thuật còn thấp.
- B. Trình độ lao động cao nhưng chưa đáp ứng được thị trường lao động.
- C. Vẫn còn thấp và chậm cải thiện, khan hiếm lao động trình độ cao.
- D. Chất lượng lao động và trình độ chuyên môn cao nhưng chưa phù hợp với thực tiễn việc làm.

Câu 18: Sự mất cân đối cung – cầu lao động được thể hiện ở những khu vực nào?

- A. Trong phạm vi cả nước nói chung cũng như giữa các vùng, khu vực và ngành nghề.
- B. Trong phạm vi cả nước nói chung cũng như giữa các doanh nghiệp.
- C. Trên phạm vi cả nước.
- D. Giữa các doanh nghiệp, các vùng và khu vực ngành nghề.

Câu 19: Cơ cấu lao động chuyển dịch theo hướng

- A. giảm tỉ trọng lao động khu vực nông – lâm nghiệp.
- B. giảm tỉ trọng lao động khu vực dịch vụ.
- C. giảm tỉ trọng lao động khu vực công nghiệp.
- D. giảm tỉ trọng lao động khu vực nông nghiệp.

Câu 20: Để tìm được các thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ cần thực hiện theo mấy bước?

- A. 6 bước.
- B. 5 bước.
- C. 4 bước.
- D. 3 bước.

III. Câu hỏi minh họa phần tự luận

Câu 1: Em hãy nêu khái niệm nghề nghiệp? Nghề nghiệp có vai trò gì đối với con người và xã hội?

Câu 2: Hãy trình bày ý nghĩa của việc chọn đúng nghề nghiệp của mỗi người?

Câu 3: Hãy nêu đặc điểm, yêu cầu chung của các ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.

Câu 4: Hãy mô tả cơ cấu hệ thống giáo dục tại Việt Nam

Câu 5: Em hãy nêu khái niệm về thị trường lao động? Các yếu tố ảnh hưởng đến thị trường lao động?

Câu 6: Hãy trình bày vai trò của thị trường lao động trong việc định hướng nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.

MÔN TIN HỌC

I, Một số câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1: Trong công thức chung của COUNTIF, tham số **range** có ý nghĩa gì?

- A. Số lượng các ô tính thoả mãn điều kiện kiểm tra.
- B. Phạm vi chứa các ô tính cần kiểm tra để đếm.**
- C. Điều kiện kiểm tra các ô tính trong phạm vi criteria.
- D. Phạm vi chứa các giá trị không hợp lệ.

- Câu 2:** Hàm nào trong Excel dùng để đếm số ô tính trong vùng dữ liệu thoả mãn điều kiện?
 A. COUNT. B. SUMIF. C. COUNTIF. D. INDEX.
- Câu 3:** Công thức chung của hàm COUNTIF là
 A. COUNTIF(range, criteria). B. =COUNTIF(criteria, range).
 C. COUNTIF(criteria, range). D. =COUNTIF(range, criteria).
- Câu 4:** Công thức tính để đếm số ô trong vùng C1:C6 chứa từ "The" là
 A. =COUNT(C1:C6,"The"). B. =COUNTIF(C1:C6,The).
 C. =COUNTIF(C1:C6,"The"). D. =COUNT(C1:C6,The).
- Câu 5:** Công thức tính để đếm số ô trong vùng A2:A8 chứa giá trị số nhỏ hơn 90 là
 A. =COUNTIF(A2:A8,"<90"). B. =COUNTIF(A2:A8,">90").
 C. =COUNTIF(A2:A8,>90). D. =COUNTIF(A2:A8,<90).
- Câu 6:** Trong công thức chung của SUMIF, tham số **range** có ý nghĩa gì?
 A. Phạm vi chứa các giá trị cần kiểm tra hoặc tính tổng các giá trị nếu không có tham số criteria.
 B. Điều kiện kiểm tra.
 C. **Phạm vi chứa các giá trị cần kiểm tra hoặc tính tổng các giá trị nếu không có tham số sum_range.**
 D. Phạm vi chứa các giá trị cần tính tổng, nếu range bị bỏ qua thì tính tổng các ô trong tham số sum_range thoả mãn điều kiện.
- Câu 7:** Trong công thức chung của SUMIF, tham số **criteria** có ý nghĩa gì?
 A. Phạm vi chứa các giá trị cần kiểm tra hoặc tính tổng các giá trị nếu không có tham số range.
 B. **Điều kiện kiểm tra.**
 C. Phạm vi chứa các giá trị cần tính tổng, nếu sum_range bị bỏ qua thì tính tổng các ô trong tham số range thoả mãn điều kiện.
 D. Phạm vi chứa các giá trị cần kiểm tra hoặc tính tổng các giá trị nếu không có tham số sum_range.
- Câu 8:** Hàm nào trong Excel dùng để tính tổng giá trị của những ô thoả mãn một điều kiện nào đó?
 A. SUM. B. COUNTIF. C. IF. D. SUMIF.
- Câu 9:** Công thức tính tổng các giá trị nhỏ hơn 100 trong vùng B2:B6 là
 A. =SUM(B2:B6,"<100"). B. =SUMIF(B2:B6,"<100").
 C. =SUMIF(B2:B6,">100"). D. =SUMIF(B2:B6,<100).
- Câu 10:** Công thức tính tổng các giá trị trong vùng D1:D7 với các ô tương ứng trong vùng A1:A7 có giá trị giống như ô F3 là
 A. =SUMIF(A1:A7,"F3",D1:D7). B. =SUMIF(D1:D7,F3,A1:A7).
 C. =SUMIF(A1:A7,F3,D1:D7). D. =SUMIF(D1:D7,"F3",A1:A7).
- Câu 11:** Trong công thức chung của IF, tham số **value_if_false** có ý nghĩa gì?
 A. Phạm vi chứa các ô tính cần kiểm tra để đếm. B. Điều kiện kiểm tra.
 C. Giá trị trả về nếu điều kiện là đúng. D. **Giá trị trả về nếu điều kiện là sai.**
- Câu 12:** Trong công thức chung của IF, tham số **logical_test** có ý nghĩa gì?
 A. **Điều kiện kiểm tra.** B. Giá trị trả về nếu điều kiện là sai.
 C. Giá trị trả về nếu điều kiện là đúng. D. Phạm vi chứa các giá trị cần tính tổng.
- Câu 13:** Trong công thức chung của IF, tham số **value_if_true** có ý nghĩa gì?
 A. Giá trị trả về nếu điều kiện là sai. B. Phạm vi chứa các giá trị không hợp lệ.
 C. **Giá trị trả về nếu điều kiện là đúng.** D. Điều kiện kiểm tra.
- Câu 14:** Hàm nào trong Excel dùng để kiểm tra điều kiện và trả về một giá trị khi điều kiện đó đúng và một giá trị khác nếu điều kiện đó sai?

A. COUNTIF. B. SUMIF. C. IF. D. CHECK.

Câu 15: Em có thể sử dụng quy tắc quản lý tài chính nào để biết việc chi tiêu đã cân đối, hợp lý hay chưa dựa trên số liệu tổng hợp?

A. Quy tắc 50-50. **B. Quy tắc 50-30-20.**
C. Quy tắc 50-20-30. D. Quy tắc 20-30-50.

Quan sát hình sau đây và trả lời câu hỏi 16, 17:

	M	N	O	P	Q
1	Tổng hợp mục chi				
2	Mục chi	Nội dung	Tổng tiền (nghìn đồng)	Tỉ lệ	Trạng thái
3	A	Nhu cầu thiết yếu	10,560	85.20%	
4	B	Mong muốn cá nhân	800	3.30%	
5	C	Tiết kiệm	2,000	11.50%	

Câu 16: Công thức phù hợp để nhận xét về mục chi **Nhu cầu thiết yếu** dựa trên quy tắc quản lý tài chính là

A. =IF(P3>50%,"Ít hơn","Nhiều hơn").
B. =IF(P3<100%,"Ít hơn","Nhiều hơn").
C. =IF(P3>80%,"Nhiều quá",IF(P3>50%,"Nhiều hơn","Ít hơn")).
D. =IF(P3=50%,"Hợp lý","Ít quá").

Câu 17: Công thức phù hợp để nhận xét về mục chi **Tiết kiệm** dựa trên quy tắc quản lý tài chính là

A. IF(O5>20%,"Nhiều hơn","Ít hơn"). **B. IF(P5>20%,"Nhiều hơn","Ít hơn").**
C. IF(P4>30%,"Nhiều hơn","Ít hơn"). D. IF(P3>50%,"Nhiều hơn","Ít hơn").

Quan sát hình sau đây và trả lời câu hỏi 18, 19:

	F	G	H	I	J	K	L	M	N
1	Khoản chi	Số lần chi	Tổng tiền (nghìn đồng)	Mục chi	Tổng hợp mục chi				
2	Ở	2	3,100	A	Mục chi	Nội dung	Tổng tiền (nghìn đồng)	Tỉ lệ	
3	Ăn	1	8,000	A	A	Nhu cầu thiết yếu			
4	Di chuyển	1	600	A	B	Mong muốn cá nhân			
5	Học tập	1	1,500	A	C	Tiết kiệm			
6	Sức khỏe	1	3,000	A					
7	Giải trí	1	10,000	B					
8	Quà tặng/Từ thiện	1	0	B					
9	Tiết kiệm	1	2,000	C					
10	Khác	0	0	B					
11	Tổng								

Câu 18: Công thức tính tổng số tiền ở ô I11 là

A. =SUM(H2:H10). B. =SUMIF(H2:H10). C. =COUNT(H2:H10). D. =COUNTIF(H2:H10)

Câu 19: Công thức tính tổng tiền của mục chi **Mong muốn cá nhân** là

A. =COUNTIF(I2:I10,K4,H2:H10) B. =SUMIF(I2:I10,L4,H2:H10)
C. =SUMIF(I2:I10,B,H2:H10) **D. =SUMIF(I2:I10,K4,H2:H10)**

Quan sát hình sau đây và trả lời câu hỏi:

	A	B	C	D
1	Giá trị 1	Giá trị 2	Công thức	Kết quả
2	75	25		TRUE
3	Vàng	Tím		FALSE

Câu 20: Công thức thích hợp để nhập vào ô C2 là

A. =IF(AND(A2<100,B2>10),FALSE,TRUE). B.
=IF(NOT(A2<100),TRUE,FALSE).
C. =IF(OR(A2>100,B2<10),TRUE,FALSE). D.
=IF(AND(A2<100,B2>10),TRUE,FALSE).

II, Một số câu hỏi tự Luận

Câu 1: Hàm COUNTIF trong Excel có chức năng gì?

Trả lời:

- Hàm COUNTIF được sử dụng để đếm số ô thỏa mãn một điều kiện nhất định trong một phạm vi dữ liệu. Điều kiện này có thể là kiểm tra xem ô có chứa một giá trị cụ thể, lớn hơn một số, nhỏ hơn một số, hoặc chứa một chuỗi ký tự nào đó.

Câu 2: Theo em, định dạng dữ liệu có ảnh hưởng đến kết quả của hàm COUNTIF không?

Trả lời:

- Định dạng dữ liệu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả của hàm COUNTIF. Vì Hàm COUNTIF chỉ đếm các ô có kiểu dữ liệu phù hợp với điều kiện đặt ra. Nếu kiểu dữ liệu không khớp, kết quả sẽ không chính xác.

- Ví dụ: Nếu muốn đếm số ô có giá trị là số, nhưng các ô đó lại được định dạng là văn bản, thì hàm COUNTIF sẽ không đếm được.

Câu 3: Hàm SUMIF trong Excel có chức năng gì?

Trả lời:

- Hàm SUMIF được sử dụng để tính tổng các ô thỏa mãn một điều kiện nhất định trong một phạm vi dữ liệu. Nói cách khác, nó sẽ chỉ tính tổng những giá trị trong một vùng dữ liệu nào đó nếu chúng đáp ứng được một tiêu chí mà bạn đặt ra.

Câu 4: Hàm IF trong Excel có chức năng gì?

Trả lời:

- Hàm IF được sử dụng để kiểm tra một điều kiện và trả về hai kết quả khác nhau tùy thuộc vào việc điều kiện đó là đúng hay sai.

Câu 5: Hãy so sánh sự khác biệt giữa hàm IF và hàm SUMIF.

Trả lời:

Tính năng	Hàm IF	Hàm SUMIF
Chức năng chính	Kiểm tra một điều kiện và trả về một trong hai giá trị	Tính tổng các ô thỏa mãn một điều kiện
Cú pháp	=IF(logical_test, value_if_true, value_if_false)	=SUMIF(range, criteria, sum_range)
Kết quả trả về	Một giá trị (số, văn bản, hoặc một công thức khác)	Một giá trị số (tổng)
Ứng dụng	Quyết định, phân loại dữ liệu	Tính toán, tổng kết dữ liệu

MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN

A. MẠCH NĂNG LƯỢNG VÀ SỰ BIẾN ĐỔI

I. LÝ THUYẾT

Bài 7: Điện trở. Định luật Ohm.

Bài 8: Đoạn mạch nối tiếp.

Bài 9: Đoạn mạch song song.

II. CÁC BÀI MINH HỌA

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM

1. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (20 câu)

Câu 1: Đơn vị nào sau đây là đơn vị của điện trở?

A. Ampe (A). B. Vôn (V). C. Ohm (Ω) D. Oát (W).

Câu 2: Khi tăng hiệu điện thế giữa hai đầu một điện trở lên 2 lần thì cường độ dòng điện qua điện trở đó:

A. Tăng 2 lần. B. Giảm 2 lần. C. Không đổi. D. Tăng 4 lần.

Câu 3: Công thức của định luật Ohm là:

A. $R = U \cdot I$ B. $I = U/R$ C. $U = I / R$ D. $I = R / U$

Câu 4: Đồ thị biểu diễn mối quan hệ giữa I và U đối với một vật dẫn có định là:

- A. Đường cong. B. Đường tròn.
C. Đường thẳng đi qua gốc tọa độ. D. Đường gấp khúc.

Câu 5: Trong đoạn mạch nối tiếp, đại lượng nào sau đây là như nhau tại mọi điểm?

- A. Hiệu điện thế. B. Điện trở. C. Cường độ dòng điện. D. Công suất.

Câu 6: Hai điện trở $R_1 = 5 \Omega$ và $R_2 = 10\Omega$ mắc nối tiếp. Điện trở tương đương của mạch là:

- A. 5Ω B. 10Ω C. 15Ω D. $3,33\Omega$

Câu 7: Trong đoạn mạch song song, công thức nào sau đây là đúng?

- A. $U = U_1 + U_2$ B. $I = I_1 = I_2$ C. $U = U_1 = U_2$ D. $R_{td} = R_1 + R_2$

Câu 8: Hai điện trở R_1, R_2 mắc song song. Cường độ dòng điện trong mạch chính được tính bởi:

- A. $I = I_1 = I_2$ B. $I = I_1 + I_2$ C. $I = I_1 - I_2$ D. $I = I_1 \cdot I_2$

Câu 9: Công dụng chính của biến trở trong mạch điện là:

- A. Thay đổi chiều dòng điện. B. Thay đổi hiệu điện thế nguồn.
C. Thay đổi điện trở để điều chỉnh cường độ dòng điện. D. Bảo vệ mạch điện khi đoản mạch.

Câu 10: Để đo cường độ dòng điện qua một bóng đèn, ta mắc Ampe kế:

- A. Song song với đèn. B. Nối tiếp với đèn.
C. Ở bất kỳ vị trí nào. D. Nối tiếp với nguồn điện nhưng song song với đèn.

Câu 11: Nếu mắc nối tiếp thêm một điện trở vào mạch điện thì điện trở tương đương của mạch sẽ:

- A. Tăng lên. B. Giảm đi. C. Không thay đổi. D. Giảm rồi tăng.

Câu 12: Điện trở tương đương của đoạn mạch gồm hai điện trở $R_1 = R_2 = 12\Omega$ mắc song song là:

- A. 24Ω B. 12Ω C. 6Ω D. 4Ω

Câu 13: Một điện trở 20Ω được đặt vào hiệu điện thế $10V$. Cường độ dòng điện chạy qua nó là:

- A. $2A$. B. $0,5A$. C. $200A$. D. $10A$.

Câu 14: Khi tháo bớt một bóng đèn trong mạch mắc song song, bóng đèn còn lại sẽ:

- A. Tắt hoàn toàn. B. Sáng yếu đi.
C. Vẫn sáng bình thường. D. Sáng mạnh hơn rồi cháy.

Câu 15: Trong mạch điện nối tiếp, hiệu điện thế tổng bằng:

- A. Hiệu các hiệu điện thế thành phần. B. Tích các hiệu điện thế thành phần.
C. Tổng các hiệu điện thế thành phần. D. Hiệu điện thế của thành phần lớn nhất.

Câu 16: Thiết bị dùng để đo hiệu điện thế là:

- A. Ampe kế. B. Vôn kế. C. Ôm kế. D. Nhiệt kế.

Câu 17: Ký hiệu của điện trở trong sơ đồ mạch điện là:

- A. Hình tròn có dấu X. B. Hình chữ nhật dài.
C. Hai vạch song song dài ngắn khác nhau. D. Hình răng cưa.

Câu 18: Đại lượng nào sau đây tỉ lệ nghịch với điện trở của vật dẫn theo định luật Ohm?

- A. Hiệu điện thế. B. Chiều dài dây dẫn.
C. Cường độ dòng điện. D. Tiết diện dây dẫn.

Câu 19: Đơn vị $1 k\Omega$ bằng bao nhiêu Ω ?

- A. 10Ω B. 100Ω C. 1000Ω D. 10000Ω

Câu 20: Ý nghĩa của con số 50Ω ghi trên một thiết bị điện là:

- A. Cường độ dòng điện tối đa là $50A$. B. Hiệu điện thế định mức là $50V$.
C. Giá trị điện trở của thiết bị đó. D. Công suất của thiết bị.

2. Trắc nghiệm đúng sai

Câu 1: Cho mạch điện gồm điện trở R_1 nối tiếp với R_2 . Xét các phát biểu sau:

- a. Cường độ dòng điện chạy qua R_1 luôn bằng cường độ dòng điện chạy qua R_2 . (Đúng/Sai)
b. Nếu $R_1 > R_2$ thì hiệu điện thế $U_1 < U_2$. (Đúng/Sai)
c. Điện trở tương đương của đoạn mạch nhỏ hơn các điện trở thành phần. (Đúng/Sai)
d. Hiệu điện thế giữa hai đầu đoạn mạch bằng tổng hiệu điện thế trên mỗi điện trở. (Đúng/Sai)

Câu 2: Cho mạch điện gồm điện trở R_1 song song với R_2 vào nguồn điện có hiệu điện thế U .

- Hiệu điện thế trên R_1 luôn bằng hiệu điện thế trên R_2 . (Đúng/Sai)
- Cường độ dòng điện trong mạch chính bằng tổng cường độ dòng điện qua mỗi nhánh. (Đúng/Sai)
- Nếu $R_1 = R_2$ thì $I_1 = I_2$. (Đúng/Sai)
- Khi tăng giá trị của R_1 thì điện trở tương đương của mạch giảm đi. (Đúng/Sai)

3. Trắc nghiệm câu trả lời ngắn

Câu 1: Cho mạch điện gồm một nguồn điện 12V và hai điện trở $R_1 = 4\Omega$, $R_2 = 8\Omega$.

- Tính điện trở tương đương của đoạn mạch khi R_1 nối tiếp R_2 . (Trả lời: Ω)
- Tính cường độ dòng điện mạch chính khi R_1 nối tiếp R_2 . (Trả lời: A)
- Tính điện trở tương đương của đoạn mạch khi R_1 song song R_2 (Trả lời: Ω)
- Tính cường độ dòng điện mạch chính khi R_1 song song R_2 . (Trả lời: A)

PHẦN 2. TỰ LUẬN

Bài 1: Cho sơ đồ mạch điện gồm điện trở $R_1 = 10\Omega$ mắc nối tiếp với điện trở $R_2 = 20\Omega$. Hiệu điện thế giữa hai đầu đoạn mạch là $U = 12V$.

- Tính điện trở tương đương của đoạn mạch.
- Tính cường độ dòng điện qua mỗi điện trở.
- Tính hiệu điện thế giữa hai đầu mỗi điện trở.

Bài 2 : Hai điện trở $R_1 = 15\Omega$ và $R_2 = 10\Omega$ được mắc song song vào một nguồn điện có hiệu điện thế U . Biết cường độ dòng điện qua mạch chính là $I = 1,5A$.

- Tính điện trở tương đương của đoạn mạch.
- Tính hiệu điện thế U của nguồn điện.
- Tính cường độ dòng điện chạy qua mỗi điện trở.

Bài 3: Cho mạch điện có sơ đồ như sau: R_1 nối tiếp với (R_2 song song R_3). Biết $R_1 = 4\Omega$, $R_2 = 6\Omega$, $R_3 = 3\Omega$. Nguồn điện có hiệu điện thế $U = 12V$.

- Tính điện trở của cụm (R_2 song song R_3).
- Tính điện trở tương đương của toàn mạch.
- Tính cường độ dòng điện chạy qua các điện trở .

Bài 4 : Một bóng đèn khi sáng bình thường có điện trở $R = 12\Omega$ và dòng điện chạy qua đèn là 0,5A.

- Tính hiệu điện thế định mức của bóng đèn.
- Nếu dùng nguồn điện có hiệu điện thế 9V thì phải mắc nối tiếp với đèn một điện trở R_x bằng bao nhiêu để đèn vẫn sáng bình thường?

B. MẠCH CHẤT VÀ SỰ BIẾN ĐỔI CHẤT

I. LÝ THUYẾT

Bài 27: Tinh bột và cellulose.

- Nêu được thành phần, trạng thái tự nhiên, tích chất vật lí của Tinh bột và cellulose
- Trình bày tính chất hóa học của Tinh bột và cellulose
- Trình bày được ứng dụng của Tinh bột và cellulose, sự tạo thành tinh bột, cellulose và vai trò của chúng trong cây xanh.
- Nhận biết được các loại lương thực, thực phẩm giàu tinh bột và biết cách sử dụng hợp lí tinh bột.

Bài 28 : protein

- Trình bày được vai trò của protein đối với cơ thể con người.
- Trình bày được tính chất hoá học của protein: phản ứng thủy phân có xúc tác acid, base hoặc enzyme, bị đông tụ khi có tác dụng của acid, base hoặc nhiệt độ; dễ bị phân huỷ khi đun nóng mạnh.
- Phân biệt được protein (len lông cừu, tơ tằm) với chất khác (tơ nylon).

II. CÁC DẠNG CÂU HỎI VẬN DỤNG

TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN.

Câu 1. Cellulose là thành phần chính tạo nên màng tế bào thực vật, có nhiều trong gỗ, bông gòn. Công thức của cellulose là

- A. $(C_6H_{10}O_5)_n$. B. $C_{12}H_{22}O_{11}$. C. $C_6H_{12}O_6$. D. $C_2H_4O_2$.

Câu 2. Một chất khi thủy phân trong môi trường acid, đun nóng **không** tạo ra glucose. Chất đó là

- A. protein. B. tinh bột. C. saccharose. D. cellulose.

Câu 3. Đun nóng cellulose trong dung dịch acid vô cơ, thu được sản phẩm là

- A. saccharose. B. glucose. C. fructose. D. maltose.

Câu 4. Quả chuối xanh có chứa chất X làm iodine chuyển thành màu xanh tím. Chất X là

- A. Tinh bột. B. Cellulose. C. Fructose. D. Glucose.

Câu 5. Cho các chất riêng biệt sau: Dung dịch glucose, dung dịch hồ tinh bột. Thuốc thử dùng để nhận biết các chất là

- A. quỳ tím. B. dung dịch NaOH. C. dung dịch I_2 . D. Na.

Câu 6. Khi đốt cháy hoàn toàn m gam một chất hữu cơ X, sản phẩm tạo ra có khí nitrogen. Chất X có thể là

- A. tinh bột. B. saccharose. C. ethylic alcohol. D. protein.

Câu 7. Một số protein tan được trong nước tạo thành dung dịch keo, khi đun nóng hoặc cho thêm hóa chất vào dung dịch này thường xảy ra kết tủa protein. Hiện tượng đó gọi là

- A. Sự oxi hóa. B. Sự khử. C. Sự cháy. D. Sự đông tụ.

Câu 8. Hiện tượng xảy ra khi cho giấm vào sữa đậu nành là

- A. Sữa đậu nành bị vón cục. B. Sữa đậu nành và giấm hòa tan vào nhau.
C. Sữa đậu nành chuyển sang đỏ. D. Có bọt khí xuất hiện.

Câu 9. Các phân tử protein đều phải có chứa nguyên tố

- A. carbon, hydrogen. B. carbon, oxygen.
C. carbon, hydrogen, oxygen. D. carbon, hydrogen, oxygen, nitrogen.

Câu 10. Cho các phát biểu sau:

- (1) Thành phần nguyên tố chủ yếu của protein là C, H, O, N và một lượng nhỏ S, P, kim loại...
- (2) Khi đun nóng protein trong dung dịch acid hoặc base, protein bị thủy phân sinh ra các amino acid.
- (3) Khi đun nóng mạnh hoặc đốt cháy, protein bị phân hủy tạo thành những chất bay hơi và có mùi khét.
- (4) Ứng dụng chính của protein là làm thức ăn, ngoài ra protein còn có các ứng dụng khác trong công nghiệp dệt (len, tơ tằm), da, mỹ nghệ (sừng, ngà) ...
- (5) Dấu hiệu để nhận biết protein là làm dung dịch iodine đổi màu xanh. Số phát biểu đúng là

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

TRẮC NGHIỆM ĐÚNG- SAI

Câu 1. Tinh bột và cellulose có nhiều ứng dụng trong đời sống và sản xuất.

- a. Tinh bột được sử dụng làm nguồn cung cấp lương thực chính cho con người và nhiều loại động vật.
- b. Tinh bột không được dùng trong sản xuất ethylic alcohol.
- c. Cellulose được dùng trong sản xuất giấy và vật liệu xây dựng.
- d. Thủy phân hoàn toàn tinh bột trong môi trường acid tạo thành glucose.

Câu 2. Protein là hợp chất hữu cơ thiên nhiên có trong các bộ phận của cơ thể của người, động vật và thực vật.

- a. Protein có trong thịt, trứng, sữa, tóc, sừng, hạt.
- b. Protein là những hợp chất hữu cơ đơn giản với khối lượng phân tử nhỏ.
- c. Protein được cấu tạo từ các đơn vị amino acid liên kết với nhau bởi liên kết peptide.

d. Protein không có trong các nguồn thực phẩm như rau và quả

TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN.

Câu 1. Từ 1 tấn tinh bột chứa 20% tạp chất trơ có thể sản xuất được bao nhiêu kg glucose nếu hiệu suất của quá trình sản xuất là 80% ?

Câu 2. Khí carbon dioxide chiếm tỉ lệ 0,03% thể tích không khí. Muốn tạo ra 500 gam tinh bột thì cần bao nhiêu lít không khí (đkc) để cung cấp đủ CO₂ cho phản ứng quang hợp?

TỰ LUẬN

Hãy giải thích vì sao:

- Khi ăn cơm, nếu nhai kĩ cơm trắng, thấy có vị ngọt.
- Cho vài giọt giấm ăn vào cốc sữa đậu nành, sau đó đun nhẹ trên bếp hoặc làm nóng bằng lò vi sóng, sau một thời gian thấy sữa đậu nành bị đông tụ.
- Nhỏ dung dịch iodine vào một lát củ sắn (khoai mì) hoặc một lát trái chuối xanh thấy chúng chuyển sang màu xanh tím.

C. VẬT SỐNG

I. LÝ THUYẾT

Bài 38: Các quy luật di truyền của Mendel

- Phân biệt, sử dụng được một số kí hiệu trong nghiên cứu di truyền học.
- Phát biểu được quy luật phân li độc lập; giải thích được kết quả thí nghiệm lai một cặp tính trạng, hai cặp tính trạng theo Mendel.
- Trình bày được thí nghiệm lai phân tích. Nêu được vai trò của phép lai phân tích.
- Trình bày được cơ chế biến dị tổ hợp thông qua sơ đồ đơn giản về quá trình giảm phân và thụ tinh.

Bài 39: Di truyền liên kết và cơ chế xác định giới tính.

- Dựa vào sơ đồ phép lai trình bày được khái niệm di truyền liên kết và phân biệt với quy luật phân li độc lập.
- Nêu một số ứng dụng di truyền liên kết trong thực tiễn.
- Trình bày được cơ chế xác định giới tính. Nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến sự phân hóa giới tính.

II. CÁC DẠNG CÂU HỎI VẬN DỤNG

TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

Câu 1. Một cơ thể có kiểu gene AaBB. Sau khi giảm phân, cơ thể đó sẽ tạo ra những loại giao tử nào dưới đây?

- A. AB, ab. B. Aa, BB. C. AB, aB. D. aB, ab.

Câu 2. Số loại giao tử có thể được tạo ra từ cơ thể có kiểu gene AabbDDEe là

- A. 2. B. 4. C. 16. D. 8.

Câu 3. Yêu cầu bắt buộc đối với mỗi thí nghiệm của Mendel là

- con lai phải luôn có hiện tượng đồng tính.
- con lai phải thuần chủng về các cặp tính trạng được nghiên cứu.
- bố mẹ phải thuần chủng về các cặp tính trạng được nghiên cứu.
- cơ thể được chọn lai đều mang các tính trội.

Câu 4. Phép lai nào dưới đây là phép lai phân tích?

- A. Aa × Aa. B. aa × aa. C. AA × Aa. D. AA × aa.

Câu 5. Khi nói về đặc điểm của cây đậu hà lan, phát biểu nào dưới đây là sai?

- Thời gian thế hệ dài.
- Tự thụ phân nghiêm ngặt.
- Số lượng cá thể đời con lớn.
- Có nhiều cặp tính trạng tương phản dễ nhận biết.

Câu 6: Câu có nội dung đúng khi nói về sự tạo giao tử ở người là:

- Người nữ tạo ra hai loại trứng là X và Y.
- Người nam chỉ tạo ra 1 loại tinh trùng X.

- C. Người nữ chỉ tạo ra một loại trứng Y.
D. Người nam tạo ra 2 loại tinh trùng là X và Y.

Câu 5: Cơ sở tế bào học của sự di truyền giới tính là

- A. sự phân li và tổ hợp cặp NST giới tính trong quá trình giảm phân và thụ tinh
B. sự phân li cặp NST giới tính trong quá trình giảm phân.
C. sự tổ hợp cặp NST giới tính trong quá trình thụ tinh.
D. sự phân li và tổ hợp cặp NST giới tính trong quá trình nguyên phân và thụ tinh.

Câu 6: Nội dung đúng khi nói về sự tạo giao tử ở người là

- A. Người nữ tạo ra hai loại trứng là X và Y.
B. Người nam chỉ tạo ra 1 loại tinh trùng X.
C. Người nữ chỉ tạo ra một loại trứng Y.
D. Người nam tạo ra 2 loại tinh trùng là X và Y.

Câu 7: NST thường và NST giới tính khác nhau ở

1. Số lượng trong tế bào.
2. Khả năng phân li trong phân bào.
3. Hình thái và chức năng.

Phát biểu đúng là:

- A. 2. B. 1,2. C. 1,3. D. 2,3.

Câu 8: Ai là người phát hiện hiện tượng di truyền liên kết?

- A. Morgan. B. Mendel. C. Darwin. D. Lamarck.

Câu 9: Di truyền liên kết là

- A. hiện tượng các tính trạng được quy định bởi các gene cùng nằm trên một nhiễm sắc thể có xu hướng di truyền cùng nhau.
B. hiện tượng nhóm gene được di truyền cùng nhau, quy định một tính trạng.
C. hiện tượng nhiều gene không allele cùng nằm trên 1 NST.
D. hiện tượng các tính trạng được di truyền cùng nhau, được quy định bởi các gene trên các cặp NST tương đồng khác nhau.

Câu 10: Kết quả về mặt di truyền của liên kết gene là

- A. làm tăng biến dị tổ hợp.
B. làm phong phú, đa dạng ở sinh vật.
C. làm hạn chế xuất hiện biến dị tổ hợp.
D. làm tăng xuất hiện kiểu gene nhưng hạn chế kiểu hình.

TRẮC NGHIỆM ĐÚNG - SAI

Câu 11. Ở cà chua, gen A quy định thân đỏ thẫm, gen a quy định thân xanh lục. Kết quả của một phép lai như sau: thân đỏ thẫm x thân đỏ thẫm \rightarrow F₁: 75% đỏ thẫm : 25% màu lục.

- a) Tỷ lệ kiểu gen ở F₁ là 1:2:1.
- b) Tính trạng màu sắc thân cây cà chua di truyền theo quy luật phân li của Mendel.
- c) Kiểu gen của bố mẹ trong công thức lai trên là AA x Aa.
- d) Cây P đều có kiểu gen đồng hợp.

TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN.

Câu 12. Gregor Mendel (1822–1884) là người đầu tiên phát hiện ra quy luật di truyền khi nghiên cứu sự di truyền các tính trạng của cây đậu Hà lan.

- a) Để kiểm tra kiểu gen của cá thể mang tính trạng trội là thuần chủng hay không, Mendel dùng phép lai nào?
- b) Tỷ lệ kiểu gen ở F₂ trong phép lai một cặp tính trạng của Mendel là bao nhiêu?
- c) Trong quy luật phân li, tỷ lệ kiểu hình ở F₂ của phép lai một cặp tính trạng là bao nhiêu?
- d) Yếu tố nào quy định tính trạng được di truyền nguyên vẹn từ bố mẹ sang con?

TỰ LUẬN

Câu 13. Ở lúa, hạt gạo đục là tính trạng trội hoàn toàn so với hạt gạo trong. Cho cây lúa có hạt gạo đục thuần chủng thụ phấn với cây lúa có hạt gạo trong.

a. Xác định kết quả thu được ở F1 và F2?

b. Nếu cho cây F1 và F2 có hạt gạo đục lai với nhau thì kết quả thu được sẽ như thế nào?

Câu 14. Ở đậu Hà Lan, thân cao và hạt vàng là 2 tính trội hoàn toàn so với thân thấp và hạt xanh. Hai cặp tính trạng chiều cao và màu sắc hạt di truyền độc lập với nhau. Hãy lập sơ đồ lai cho mỗi phép lai dưới đây:

a. Cây cao, hạt xanh giao phấn với cây thân thấp, hạt vàng.

b. Cây thân cao, hạt vàng giao phấn với cây thân thấp, hạt xanh.

Câu 15. Tại sao Mendel lại chọn cây đậu Hà Lan để nghiên cứu?

Câu 16. Nêu vai trò của phép lai phân tích?

MÔN NGỮ VĂN

I. NỘI DUNG

1. Phần Đọc – Thực hành Tiếng Việt:

- **Đọc:** Văn bản truyện trinh thám, thơ sáu chữ, bảy chữ, tám chữ, truyện hiện đại, văn bản nghị luận, văn bản thông tin...

- **Thực hành tiếng Việt:**

+ Câu đơn, câu ghép

+ Nghĩa của từ, từ ghép và từ láy, cụm từ

+ Các biện pháp tu từ: So sánh, điệp ngữ, nhân hoá,....

2. Phần viết:

- Viết truyện kể sáng tạo

- Viết bài văn nghị luận xã hội

- Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ

- Viết đoạn văn phân tích nhân vật truyện

* **Yêu cầu:**

- Đối với phần đọc: Nắm vững tri thức thuộc thể loại

- Đối với phần Tiếng Việt: Nắm vững đặc điểm, công dụng, cách vận dụng các kiến thức Tiếng Việt đã học

- Đối với phần viết: Nắm vững cấu trúc kĩ năng viết bài văn, đoạn văn

III. GỢI Ý MỘT SỐ DẠNG BÀI:

A. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm) Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu

CHA TÔI

Nhà tôi có bốn người.

Cha tôi thế hệ 5X, chớm già. Hơn nửa thế kỉ có mặt trên đời thì bốn mươi năm cha mặc áo nhà binh, cầm súng và xa nhà. Mẹ thế hệ 6X, sinh sau cha hơn một giáp, luôn chịu cảnh xa chồng. Chị Mai tôi thế hệ 7X đã gần ba mươi tốt nghiệp đại học, chị đi làm cho một doanh nghiệp Nhật Bản, suốt ngày ăn cơm tiệm.

Tôi, thế hệ 8X, mười chín tuổi, tốt nghiệp phổ thông hạng làng nhàng, thi vào đại học hai lần đều trượt. Sống theo ý mình luôn là cảm hứng thường trực và tự do muôn năm. Sống tự do theo ý thích, tôi suốt ngày chơi bời, đàn đúm. ...đầu tóc thì đổi kiểu xoành xoạch, hết nhuộm hoe hoe vàng lại hấp màu lông chuột.

Cha khoác ba lô về hẩn nhà, nghỉ hưu. Một ba lô quân phục màu phân ngựa. Hai đôi giày đen một cũ một mới. Một mũ kê pi. Chín cái huân, huy chương đỏ rực, vàng chói. Một đôi dép đũi mòn vẹt gót. Nghe nói cha cất giữ từ hồi ở Trường Sơn.

(...) Đến tận lúc về, con bé bạn tôi còn chưa hết hãi:

- Khiếp! Ông già mà ghê quá. Hỏi tao mà cứ như mật thám hỏi cung các chiến sĩ cộng sản trong nhà tù đế quốc thực dân ấy.

- Bố tao nghiêm thế. Nhưng mà thương vợ con và mọi người lắm.

- Tao ghét thích kiểu thương ấy. Bận sau nếu có chuyện gì tao với mày ra quán cà phê cho tiện.

Cánh cổng khép lại. Tôi mang theo nỗi ám ức của thằng con trai mới lớn.
 - Cha cứ làm kiểu này thì con hết bạn, hết chỗ chơi. Từ bây giờ có giờ bảo cũng chẳng đứa nào dám đến nhà mình nữa.
 - Mẹ con con ăn uống, đi lại, ngủ nghỉ, chơi bời không ổn chút nào. Ma túy, tệ nạn xã hội đầy ra đấy. Các con còn non nớt. Rất dễ sa ngã.

Tôi tức quá cãi lại:

- Bao nhiêu năm qua không có cha, mẹ con con vẫn sống tốt cơ mà. Cả cuộc đời cha ở trong quân đội, ngoài việc sinh bọn con ra cha đã làm được cái gì cho cái nhà này chưa mà cha trách mắng mọi người...

Nói chưa dứt, mắt tôi đã hoa cả lên. Một cái tát nổ đom đóm mắt từ bàn tay thô ráp quen cầm súng nhà binh. Tôi ngã dúi. Cha quát to:

- Chả nhẽ cha đi bộ đội bao nhiêu năm cống hiến cho đất nước là để cho con nói với cha bằng cái giọng chợ giờ ấy hả? Bà ấy đâu rồi? Con hư tại mẹ!

Con hư tại mẹ, cháu hư tại bà. Bà tôi mất từ lâu lắm rồi còn mẹ ở cửa hàng mỹ phẩm vẫn chưa về, chị Mai ngoan ngoan thì đi học thêm Anh văn. Dường như lòng tự trọng của đứa con trai mới lớn chám hết. Tất cả kìm hãm, dồn nén sự khó chịu của tôi từ lúc cha về đã quá đủ. Cha - một người cha đi biệt bao nhiêu năm để rồi bỗng dưng về nhà xới tung lên mọi thứ với kỷ luật nhà binh. Tôi nói với cha:

- Thôi cha! Đừng bao giờ nói với con về những ngày tháng cha đi bộ đội. Thờ oai hùng xa lắm lắm rồi, cha ạ.

Sắc mặt của cha tôi đỏ hồng lại tím nhanh dễ sợ. Môi ông lắp bắp:

- Mà... mà... nói... ca... cái... gì?

Ông ôm đầu, đau đớn, ngòai phịch xuống giường gập.

- Chẳng có gì cả! Con nói là, - Tôi nhân mạnh từng chữ - con chán ghét cha và cả những điều cha nghĩ, những gì cha nói và cha làm. Cha đã biến cả nhà ta thành trại lính.

Tôi cãi lại cha và tôi lao khỏi nhà. Tôi bỏ đi lang thang trên phố. Đêm tôi không về. Sau này, khi “trời yên biển lặng”, tôi mới biết: Suốt đêm ấy, cha lo lắng sợ tôi dạt vòm đi bụi đời. Ông điện thoại báo hung tin về thằng con quý tử bỏ nhà cho bạn bè, đồng đội đã phục viên, xuất ngũ, nghỉ hưu biết. Người nọ vội vã gọi người kia lan truyền theo cấp số nhân, như thể chiến tranh sắp nổ ra, huy động gần hết một “tiểu đoàn quân” đi tìm... tôi.

Trích Cha tôi, Srung Nguyệt Minh, vannghe.ninhbinh.gov.vn

Câu 1 (0,5 điểm) Nhân vật chính trong câu chuyện trên là ai?

Câu 2 (0,5 điểm) Câu chuyện được kể theo ngôi kể nào? Nêu tác dụng

Câu 3 (1,0 điểm) Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong những câu văn sau: “Cha khoác ba lô về hẳn nhà, nghỉ hưu. Một ba lô quân phục màu phân ngựa. Hai đôi giày đen một cũ một mới. Một mũ kê pi. Chín cái huân, huy chương đỏ rực, vàng chói. Một đôi dép đũi mòn vẹt gót. Nghe nói cha cất giữ từ hồi ở Trường Sơn.”

Câu 4 (1,0 điểm) Em có nhận xét gì về thái độ của nhân vật Tôi trong câu nói: “- Chẳng có gì cả! Con nói là, - Tôi nhân mạnh từng chữ - con chán ghét cha và cả những điều cha nghĩ, những gì cha nói và cha làm. Cha đã biến cả nhà ta thành trại lính”

Câu 5 (1,0 điểm) Em rút ra được bài học gì từ câu chuyện trên?

B. VIẾT (6.0 điểm)

Câu 1. (2.0 điểm). Phân tích nhân vật Người cha trong văn bản bằng một đoạn văn khoảng 200 chữ.

Câu 2. (4.0 điểm) Viết bài văn nghị luận xã hội khoảng 400 chữ trả lời câu hỏi: Làm thế nào để rèn luyện thói quen đọc sách cho học sinh?

MÔN LỊCH SỬ

I. NỘI DUNG ÔN TẬP

Bài 16, 17, 18, 19, 20

II. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1. Trình bày nội dung cơ bản của công cuộc Đổi mới năm 1986. Nêu những thành tựu và ý nghĩa nổi bật của công cuộc Đổi mới.

Câu 2. Nêu nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)

Câu 3. Phân tích ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975).

Câu 4. Trình bày quá trình phát triển của tổ chức ASEAN từ năm 1991 đến nay.

Câu 5. Nêu những xu thế phát triển của thế giới sau năm 1991.

III. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Một số câu hỏi minh họa: 2 dạng

Dạng 1: Em hãy chọn và ghi vào bài làm chữ cái đứng trước câu trả lời đúng

Câu 1: Việt Nam hoàn thành nhiệm vụ thống nhất đất nước về mặt nhà nước vào thời gian nào?

- A. tháng 5/1975. B. tháng 9/1975. C. tháng 7/1976. D. tháng 12/1976.

Câu 2: Sau Đại thắng mùa Xuân 1975, nhiệm vụ cấp thiết hàng đầu của cả nước ta là gì?

- A. Khắc phục hậu quả chiến tranh và phát triển kinh tế.
B. Ổn định tình hình chính trị - xã hội ở miền Nam.
C. Thống nhất nước nhà về mặt nhà nước.
D. Mở rộng quan hệ, giao lưu với các nước.

Câu 3: Kỳ họp đầu tiên của Quốc hội khóa VI nước Việt Nam thống nhất (1976) đã quyết định tên nước là

- A. Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
B. Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
C. Việt Nam Cộng hòa.
D. Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Việt Nam.

Câu 4: Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (9/1975) đã

- A. đề ra chủ trương giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.
B. đề ra đường lối đổi mới đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội.
C. đề ra nhiệm vụ thống nhất đất nước về mặt nhà nước.
D. đề ra kế hoạch 5 năm khôi phục kinh tế - xã hội.

Câu 5: Nhiệm vụ trọng tâm của miền Bắc ngay sau 1975 là gì?

- A. Hàn gắn vết thương chiến tranh.
B. Khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, văn hoá.
C. Tiếp tục làm nhiệm vụ căn cứ địa của cách mạng cả nước.
D. Tiếp tục làm nghĩa vụ quốc tế đối với Lào và Campuchia.

Dạng 2: Câu trắc nghiệm đúng, sai

Câu 1: Trong các đặc điểm sau, đâu là ý đúng, đâu là ý sai khi nói về lí do nước ta phải thống nhất đất nước về mặt nhà nước:

- a. Việt Nam đã được thống nhất về lãnh thổ, song ở mỗi miền Nam - Bắc lại tồn tại những hình thức tổ chức Nhà nước khác nhau.
b. Nguyện vọng của nhân dân cả nước là mong muốn có một Nhà nước thống nhất.
c. Chính quyền các nước phương Tây ủng hộ việc thống nhất Việt Nam.
d. Các thế lực bên ngoài, đặc biệt là các nước lớn, đều ủng hộ quá trình Việt Nam thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu dưới đây, chọn đúng hoặc sai ở mỗi ý a, b, c, d

“Chiến sự xảy ra ác liệt ở xã Thanh Thụy, Minh Tân, Thanh Đức thuộc huyện Vị Xuyên, xã Bạch Đích, Phủ Lũng thuộc huyện Yên Minh. Tại mặt trận Vị Xuyên đã có hơn một chục sư đoàn bộ binh luân phiên tham gia chiến đấu. Các đơn vị bộ đội chủ lực của Bộ và Quân khu cùng với bộ đội địa phương, dân quân tự vệ của tỉnh và nhân dân đã quyết tâm chiến đấu giành giật với địch từng chiến hào, từng điểm cao để giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia...gần

chục năm rằm chưa khi nào Vị Xuyên ngót tiếng pháo, đạn súng cối từ bên kia biên giới rớt sang”.

(Nguyễn Đức Huy, *Hồi ức chiến tranh Vị Xuyên*, NXB Thông tin và Truyền thông. Hà Nội, 2019, tr.67 – 68)

- Vị Xuyên (Hà Giang) là chiến trường duy nhất giữa Trung Quốc và Việt Nam (1979 – 1989).
- Thể hiện tinh thần chiến đấu, quyết tâm bảo vệ Tổ quốc của quân dân tại Hà Giang.
- Là bằng chứng về tội ác của quân Trung Quốc đối với các dân tộc vùng biên giới phía Bắc.
- Cuộc chiến tại mặt trận Vị Xuyên (Hà Giang) chỉ diễn ra từ năm 1984 đến năm 1989.

IV. HÌNH THỨC KIỂM TRA

- KT trực tiếp trên giấy.
- Tỉ lệ phân môn: Lịch sử: 100%
- Tỉ lệ câu hỏi: + Trắc nghiệm: 70%
+ Tự luận: 30%

MÔN ĐỊA LÝ

I. NỘI DUNG ÔN TẬP

Bài 15. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Bài 18. Đông Nam Bộ

Bài 20: Vùng đồng bằng sông Cửu Long.

II. CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Câu hỏi tự luận và trả lời ngắn

Câu 1. Trình bày được đặc điểm về dân cư, đô thị hoá ở vùng Đông Nam Bộ. Phân tích được vị thế của Thành phố Hồ Chí Minh.

Câu 2. Cho bảng số liệu: Diện tích một số cây công nghiệp lâu năm và cây ăn quả của vùng Đông Nam Bộ so với cả nước năm 2021. (đơn vị: nghìn ha)

Cây trồng	Đông Nam Bộ	Cả nước
Cao su	547,6	930,5
Điều	192,6	314,4
Cây ăn quả	129,8	1171,5

-Tính tỉ trọng các loại cây của Đông Nam Bộ so với cả nước. Vẽ biểu đồ và nhận xét.

Câu 3. Cho bảng số liệu: Diện tích, dân số, GDP của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và ba vùng kinh tế trọng điểm của cả nước (năm 2002)

	Diện tích (nghìn km ²)	Dân số (triệu người)	GDP (nghìn tỉ đồng)
Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam	28	12,3	188,1
Ba vùng kinh tế trọng điểm	71,2	31,3	289,5

-Tính tỉ trọng diện tích, dân số, GDP của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trong 3 vùng kinh tế trọng điểm của cả nước?

- Nêu ý nghĩa của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam?

Câu 4. Vùng Đông Nam Bộ tiếp giáp với quốc gia nào?

Câu 5. Phát biểu **không** đúng với thuận lợi về điều kiện tự nhiên của vùng Đông Nam Bộ?

Câu 6. Cây công nghiệp lâu năm nào có diện tích lớn nhất ở Đông Nam Bộ?

Câu 7. Khoáng sản quan trọng nhất ở Đông Nam Bộ là? dầu khí.

Câu 8. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với dân cư của vùng Đông Nam Bộ?

Câu 9. Khó khăn lớn nhất về tự nhiên của Đông Nam Bộ là

Câu 10. Các ngành công nghiệp hiện đại nào dưới đây đã hình thành và phát triển ở Đông Nam Bộ?

Câu 11. Nhà máy thủy điện nào sau đây có công suất lớn nhất Đông Nam Bộ?

Câu 12. Dạng địa hình đặc trưng của vùng Đông Nam Bộ là:

Câu 13. Hai loại đất chiếm diện tích lớn nhất ở Đông Nam Bộ là:

Câu 14. Nhiệm vụ quan trọng nhất để phát triển bền vững công nghiệp ở vùng Đông Nam Bộ là gì?

Câu 15. Ý nào sau đây **không** phải là vị thế của Thành phố Hồ Chí Minh?

Câu 16. Đồng bằng sông Cửu Long tiếp giáp với:

Câu 17. Đặc điểm nào sau đây đúng về địa hình Đồng bằng sông Cửu Long?

Câu 18. Những nhóm đất chính ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long là:

Câu 19. Đất phù sa ngọt của vùng Đồng bằng sông Cửu Long phân bố chủ yếu ở

Câu 20. Khí hậu của vùng Đồng bằng sông Cửu Long mang tính chất

Câu 21. Thảm thực vật điển hình ở ven biển của vùng Đồng bằng sông Cửu Long là gì?

Câu 22. Mùa khô kéo dài ở Đồng bằng sông Cửu Long gây ra vấn đề gì?

Câu 23. Biến đổi khí hậu tác động thế nào đến tình trạng lũ lụt ở Đồng bằng sông Cửu Long?

Câu 24. Những hạn chế về tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long không bao gồm:

Câu 25. Ngành công nghiệp quan trọng ở Đồng bằng sông Cửu Long?

Câu 26. Việc đầu tư phát triển điện gió, điện mặt trời ở Đồng bằng sông Cửu Long góp phần gì?

Câu 27. Một trong những giải pháp hiệu quả để chống hạn hán là:

Câu 28. Giải pháp nào sau đây giúp giảm thiểu ảnh hưởng của sa mạc hóa?

Câu 29. Để giảm thiểu tác động của sa mạc hóa, cần thực hiện biện pháp gì trong xây dựng?

Câu 30. Giải pháp nào giúp bảo vệ nguồn nước ngầm trước nguy cơ sa mạc hóa?

Câu 31. Biện pháp nào giúp duy trì sản xuất nông nghiệp trong điều kiện hạn hán?

Câu 32. Để bảo vệ môi trường trước nguy cơ sa mạc hóa, cần thực hiện biện pháp gì?

2. Câu hỏi trắc nghiệm

1. Dạng 1: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

(HS trả lời từ câu 1 đến câu 20, mỗi câu hỏi HS chọn một phương án đúng).

Câu 1: Vùng Đông Nam Bộ tiếp giáp với quốc gia nào sau đây?

A.Lào

B.Cam-pu-chia

C.Thái Lan

D.Trung Quốc

Câu 2: Phát biểu nào dưới đây **không** đúng với thuận lợi về điều kiện tự nhiên của vùng Đông Nam Bộ?

A. Là cửa ngõ thông ra biển.

B. Giáp các vùng giàu nguyên liệu.

C. Tiềm năng lớn về đất phù sa.

D. Địa hình tương đối bằng phẳng.

2. Câu trắc nghiệm đúng sai.

Ghi vào bài làm chữ đúng/ sai với mỗi ý a, b, c, d.

Câu 1.

“ Vùng Đông Nam Bộ có nhiều điều kiện tự nhiên trong phát triển cây công nghiệp và cây ăn quả. Địa hình bán bình nguyên , tương đối bằng phẳng, đất đỏ ba dan, đất ferality, đất xám phù sa cổ phân bố trên những diện tích lớn; khí hậu cận xích đạo gió mùa với nền nhiệt , ẩm cao, có hai mùa mưa, khô rõ rệt; nguồn nước tưới dồi dào phong phú từ hệ thống sông Đồng Nai, các hồ chứa (Dầu Tiếng, Trị An)....Nhờ đó hoạt động sản xuất diễn ra quanh năm và phát triển được nền nông nghiệp nhiệt đới hàng hoá theo qui mô lớn cho năng suất cao.”

a) Về tự nhiên, vùng Đông Nam Bộ không gặp khó khăn trong phát triển cây công nghiệp và cây ăn quả. **S**

b) Hồ Dầu Tiếng và hồ Trị An là hai hồ thủy lợi và thủy điện có vai trò quan trọng ở vùng Đông Nam Bộ. **Đ**

- c) Hiện nay, vùng Đông Nam Bộ có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm lớn nhất cả nước. **Đ**
- d) Đông Nam Bộ có nền nông nghiệp nhiệt đới cho năng suất cao là chủ yếu nhờ vào điều kiện tự nhiên. **S**

III. HÌNH THỨC KIỂM TRA

- KT trực tiếp trên giấy.
- Tỷ lệ câu hỏi:
 - + Trắc nghiệm: 70%
 - + Tự luận: 30%

MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

I. NỘI DUNG:

1. Tiêu dùng thông minh
2. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý
3. Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế

Yêu cầu:

- Học sinh nắm được khái niệm, biểu hiện, ý nghĩa, rèn luyện...
- Học sinh biết nhận xét và xử lý tình huống
- * Lưu ý: Các câu hỏi trắc nghiệm sẽ lấy theo nội dung các bài trên

II. MỘT SỐ DẠNG CÂU HỎI

1. Dạng câu hỏi TNKQ

Câu 1: Vi phạm pháp luật là

- A. hành vi trái pháp luật, có lỗi do người có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện, xâm hại các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.
- B. hành vi có lỗi do người có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện, xâm hại các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.
- C. hành vi trái pháp luật, do người có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện, xâm hại các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.
- D. hành vi trái pháp luật, có lỗi xâm hại các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.

Câu 2: Các loại vi phạm pháp luật bao gồm

- A. vi phạm hình sự, vi phạm hành chính, vi phạm dân sự, vi phạm kỉ luật.
- B. vi phạm hình sự, vi phạm dân sự, vi phạm kỉ luật.
- C. vi phạm hình sự, vi phạm hành chính, vi phạm kỉ luật.
- D. vi phạm hình sự, vi phạm hành chính, vi phạm dân sự.

Câu 3: Trong các loại vi phạm pháp luật thì vi phạm nào gây nguy hiểm cho xã hội?

- A. Vi phạm hình sự.
- B. Vi phạm hành chính.
- C. Vi phạm dân sự.
- D. Vi phạm kỉ luật.

Câu 4: Trong các loại vi phạm pháp luật thì vi phạm nào được coi là tội phạm, được qui định trong Bộ luật Hình sự?

- A. Vi phạm hình sự.
- B. Vi phạm hành chính.
- C. Vi phạm dân sự.
- D. Vi phạm kỉ luật.

Câu 5: Trách nhiệm pháp lý là

- A. nghĩa vụ mà các cá nhân hoặc tổ chức phải gánh chịu hậu quả bất lợi do Nhà nước quy định từ hành vi vi phạm pháp luật của mình.
- B. nghĩa vụ mà các cá nhân phải gánh chịu hậu quả bất lợi do Nhà nước quy định từ hành vi vi phạm pháp luật của mình.

C. nghĩa vụ mà các tổ chức phải gánh chịu hậu quả bất lợi do Nhà nước quy định từ hành vi vi phạm pháp luật của mình.

D. nghĩa vụ mà các cá nhân hoặc tổ chức phải gánh chịu hậu quả bất lợi do Nhà nước quy định.

Câu 6: Theo Điều 33, Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì: “Mọi người có quyền tự do kinh doanh những ngành nghề mà pháp luật.....”

A. không cấm.

B. cho phép.

C. quy định.

D. thừa nhận.

Câu 7: Nhà nước nghiêm cấm

A. kinh doanh liên quan đến sinh sản vô tính trên người.

B. kinh doanh rượu, bia, thuốc lá.

C. kinh doanh các loại thuốc độc có thể gây chết người.

D. kinh doanh những ngành nghề không có khả năng đem lại lợi nhuận.

Câu 8: Hành vi nào dưới đây vi phạm quy định của Nhà nước về kinh doanh?

A. Buôn bán vũ khí, thuốc nổ.

B. Sản xuất hàng gia dụng.

C. Mở dịch vụ vận tải.

D. Bán đồ ăn nhanh.

Câu 9: Hoạt động nào dưới đây không thuộc lĩnh vực kinh doanh?

A. Sản xuất.

B. Dịch vụ.

C. Trao đổi hàng hoá.

D. Từ thiện.

Câu 10: Một phần trong thu nhập mà công dân và tổ chức kinh tế có nghĩa vụ nộp vào ngân sách nhà nước để chi tiêu cho những công việc chung được gọi là?

A. Tiền.

B. Sản vật.

C. Sản phẩm.

D. Thuế.

Câu 11: Câu tục ngữ nào dưới đây phê phán việc tiêu xài hoang phí?

A. Kiến tha lâu đầy tổ.

B. Năng nhặt chặt bị.

C. Tích tiểu thành đại.

D. Ném tiền qua cửa sổ.

Câu 12: Hành động tiết kiệm nào dưới đây là hợp lí, khoa học?

A. Bạn K nhìn ăn sáng để dành tiền mua truyện tranh.

B. Anh Q đặt ra mục tiêu tiết kiệm một khoản tiền mỗi tháng.

C. Mẹ cho tiền mua bút nhưng T không mua mà mượn bút của bạn.

D. Chị X mua mỹ phẩm không rõ nguồn gốc xuất xứ vì thấy giá rẻ.

2. Dạng câu hỏi tự luận

Câu 1. Em hãy giải thích vì sao người có hành vi vi phạm pháp luật phải chịu trách nhiệm pháp lí?

Câu 2. Tình huống: Bà M sở hữu một căn nhà lớn ở mặt đường và cho một tổ chức nước ngoài thuê sử dụng với mức giá cao. Sau khi ký hợp đồng với đại diện tổ chức nước ngoài, bà M được người quen khuyên nên làm giả một hợp đồng cho thuê nhà khác có mức giá cho thuê rẻ hơn thực tế để sử dụng kê khai nộp thuế, qua đó giảm bớt số tiền thuế phải nộp. Bà M thắc mắc không biết làm như vậy có đúng không.

Em hãy tư vấn như thế nào để bà M thực hiện đúng quy định của pháp luật về nghĩa vụ nộp thuế?

Câu 3. Vì sao mỗi công dân phải thực hiện trách nhiệm pháp lí? Bản thân em đã làm những gì để thực hiện tốt việc tôn trọng kỷ luật và pháp luật?

MÔN TIẾNG ANH

A. VOCABULARY:

Unit 7: Natural wonders of the world

Unit 8: Tourism

Unit 9: World Englishes

Unit 10: Planet Earth

B. GRAMMAR

- Question words before to- infinitives
- Phrasal verbs
- Double comparatives
- Modal verbs in first condition sentences
- Past continuous, wish + past simple
- Present perfect
- Verbs + to-infinitive/ Verbs + V-ing
- Reported speech (Yes/ No questions)
- Relative pronouns & relative adverbs
- Defining relative clauses, non- defining relative clauses
- Suggest/ advise/ recommend + V-ing/ a clause with should
- Adverbial clauses of concession, result, and reason

C. PRONUNCIATION

- Sounds and stress

D. COMMUNICATION

- Seeking help and responding
- Offering help and responding
- Thanking and responding
- Apologizing and responding
- Asking for permission and responding
- Saying good luck and responding

PRACTICE

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation in each of the following questions.

Question 1. A. exchange B. establish C. expect D. effort

Question 2. A. brochure B. childhood C. chopstick D. watching

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word that differs from the other three in the position of primary stress in each of the following questions.

Question 3. A. support B. locate C. permit D. travel

Question 4. A. urgency B. domestic C. national D. paradise

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.

Question 5. Jeff wanted to know _____.

- A. that why were his friends laughing B. why were his friends laughing
C. why his friends were laughing D. the reason why his friends laughing

Question 6. Trees absorb carbon dioxide and release oxygen, which is _____ for life on Earth.

- A. vital B. common C. optional D. expensive

Question 7. Winter is considered the low _____ for most tourist destinations.

- A. season B. weather C. estimation D. package

- C. I recommend turning off electronic devices before going to bed for improve sleep quality.
 D. I recommend you turns off electronic devices before going to bed to improve sleep quality.

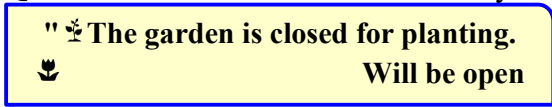
Read the following sign or notice and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.

Question 29. What does the sign say?



- A. The restroom is working properly and is available for everyone to use.
 B. The restroom is open and ready for use by anyone who needs it.
 C. The restroom is being repaired or cleaned and cannot be used right now.
 D. The restroom is only for people with special permission to use.

Question 30. What does the notice say?



- A. You can visit the garden any day, not just next week.
 B. The garden is open for planting and visitors are allowed in now.
 C. The garden is always open and is not closed for planting.
 D. The garden will be open after planting is completed.

Read the following passage and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions from 31 to 36.

Forests cover about 31% of the Earth's land, but they are disappearing quickly. Every year, millions of trees are cut down for farming, building houses, and making paper. This process is called deforestation, and it is a big problem for nature. Many forests, especially in the Amazon, Africa, and Southeast Asia, are shrinking. If this continues, the world will lose many plants and animals.

Forests are very important for the Earth and all living things. **They** provide oxygen, which we need to breathe. Trees absorb carbon dioxide, helping to slow down climate change. Forests are also home to millions of animals, birds, and insects. Many people depend on forests for food, medicine, and wood. Without forests, the climate will become hotter, and more animals will lose their homes.

When forests are destroyed, many problems happen. Animals lose their **habitats**, and some may become endangered or even **extinct**. The air becomes more polluted because there are fewer trees to clean it. Soil erosion also increases, making the land dry and less useful for farming. Deforestation also affects the water cycle, leading to more floods and droughts.

There are many ways to protect forests. One way is to plant more trees in areas where forests have been cut down. People should also reduce their use of paper and wood products by recycling. Governments can help by making laws to stop illegal logging and protect natural forests. We can all help by using eco-friendly products, supporting conservation projects, and raising awareness about the importance of forests.

Question 31: What is the main idea of the passage?

- A. The benefits of forests and how to protect them.
 B. The number of forests in different countries.
 C. The dangers of living near a forest.
 D. The different types of trees in the world.

Question 32: The word "**habitats**" in the passage is closest in meaning to _____.

- A. homes B. dangers C. solutions D. seasons

Question 33: The word "**they**" in paragraph 2 refers to _____.

- A. oxygen B. living things C. trees D. forests

Question 34: Which of the following is **NOT TRUE** according to the passage?

- A. Deforestation can make farming more difficult by causing soil erosion.
 B. The destruction of forests leads to an increase in carbon dioxide in the atmosphere.
 C. Animals in the forest can easily adapt to losing their habitats by finding new

homes.

- D. Protecting forests helps maintain clean air and a stable climate.

Question 35: According to the passage, what happens to animals when forests are destroyed?

- A. They find better places to live.
 B. They lose their habitats and may face extinction.
 C. They migrate to other countries for food.
 D. They become stronger and adapt to new environments.

Question 36: The word "**extinct**" in the passage is opposite in meaning to _____.

- A. destroying B. disappearing C. living D. dead

Four phrases/ sentences have been removed from the text below. For each question, mark the letter A,B,C,D on your answer sheet to indicate the correct answer sheet to indicate the correct option that best fit each of the numbered blanks from 37 to 40.

I recently went on a trip to the Grand Canyon! (37)_____. The Grand Canyon is unlike anything I've ever seen before. The vastness and beauty of the canyon left me speechless. I hiked along the rim and marvelled at the breathtaking views. The colours and rock formations were truly impressive.

I also had the opportunity to take a helicopter ride over the canyon. It was a bit scary at first, (38)_____. I felt like I was flying among the eagles!

During my visit, (39)_____ who shared interesting stories and insights about the canyon. It was a great way to (40)_____:

I wish you both could have been there with me to experience this natural wonder. I took many photos, and I can't wait to show them to you when I return.

- A. I met some friendly fellow travellers
 B. It was an absolutely incredible experience
 C. connect with people from different parts of the world
 D. but the panoramic views from above were absolutely magnificent

Question 37. ____ **Question 38.** ____ **Question 39.** ____ **Question 40.** ____

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

Phần 1. Nội dung kiến thức cần ôn tập:

1. Chủ đề 5: Em với gia đình
2. Chủ đề 6: Em với cộng đồng
3. Chủ đề 7: Em với thiên nhiên và môi trường

Phần 2. Hình thức ra đề:

- 100% tự luận

Phần 3. Một số câu hỏi ôn tập:

Câu 1. Em hãy nêu các cách tạo bầu không khí vui vẻ, yêu thương, cùng các thành viên xây dựng gia đình hạnh phúc; giải quyết bất đồng trong gia đình.

Câu 2. Em hãy nêu cách tổ chức, sắp xếp khoa học công việc gia đình

Câu 3. Em hãy nêu các biện pháp phát triển kinh tế gia đình

Câu 4. Em hãy nêu cách xây dựng mạng lưới quan hệ cộng đồng.

Câu 5. Em hãy trình bày các biểu hiện của việc sống hài hòa với thiên nhiên. Theo em, vì sao mỗi cá nhân cần phải có ý thức và hành động thiết thực để bảo vệ cảnh quan thiên nhiên và môi trường tại địa phương?

Câu 6. Tình huống: Trong một buổi dã ngoại cùng lớp tại một khu bảo tồn thiên nhiên, Nam thấy một nhóm bạn sau khi ăn uống xong đã để lại túi nilon, vỏ lon nước và thức ăn thừa ngay trên thảm cỏ. Khi Nam nhắc nhở, một bạn trong nhóm đáp: "Ôi dào, có mấy cái rác nhỏ này bỏ bèn gì, lát nữa kiêu gì chả có nhân viên vệ sinh đi dọn, mình đang đi chơi mà!"

Em có đồng tình với suy nghĩ và hành động của nhóm bạn đó không? Vì sao? Nếu là Nam, em sẽ giải thích và thuyết phục các bạn như thế nào để các bạn tự giác thu dọn rác và bảo vệ môi trường chung?

GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG

I. Nội dung:

- Bài 8: Phát triển công nghiệp của Hà Nội theo hướng hiện đại và hội nhập
- Bài 9: Các ngành dịch vụ chủ yếu ở Hà Nội

II. Câu hỏi tham khảo ôn tập.

Em hãy trả lời các câu hỏi sau đây:

Câu 1: Trình bày các điều kiện thuận lợi và hạn chế đối với sự phát triển công nghiệp của Hà Nội theo hướng hiện đại và hội nhập. Theo em, yếu tố nào là quan trọng nhất? Vì sao?

Câu 2: Phân tích đặc điểm và xu hướng phát triển của các ngành công nghiệp chủ yếu ở Hà Nội. Việc phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại và hội nhập có ý nghĩa như thế nào đối với kinh tế – xã hội?

Câu 3: Trình bày đặc điểm chung của các ngành dịch vụ ở Hà Nội. Vì sao ngành dịch vụ lại chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu kinh tế của thành phố?

Câu 4: Phân tích đặc điểm của một trong các ngành dịch vụ chủ yếu ở Hà Nội (giao thông vận tải, viễn thông, thương mại hoặc du lịch). Ngành đó có vai trò như thế nào đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của Thủ đô?

Nơi nhận:

- GVCN khối 9;
- Lưu.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Hải Vân